PHỤ LỤC

CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BKHCN ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Phiếu đề xuất nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao:

1. **Biểu A1.1-PĐX-ĐTCNC**: Phiếu đề xuất đề tài công nghệ cao.
2. **Biểu A1.2-PĐX-DAPTCNC**: Phiếu đề xuất dự án phát triển công nghệ cao.
3. **Biểu A1.3-PĐX-DAUDCNC**: Phiếu đề xuất dự án ứng dụng công nghệ cao.
4. **Biểu A1.4-PĐX-DASX**: Phiếu đề xuất dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

II. Ý kiến nhận xét và đánh giá đề xuất đề tài, dự án thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao:

5. **Biểu A5-PĐG:** Phiếu đánh giá đề xuất đề tài công nghệ cao, dự án công nghệ cao.

III. Mẫu thuyết minh đề tài, dự án thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao:

6. **Biểu B1.1-TMĐTCNC**: Thuyết minh đề tài công nghệ cao.
7. **Biểu B1.2-TMDAPTCNC**: Thuyết minh dự án phát triển công nghệ cao.
8. **Biểu B1.3-TMDAUDCNC**: Thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao.
9. **Biểu B1.4-TMDASXCNC**: Thuyết minh dự án sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

IV. Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài, dự án thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao và hướng dẫn báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ.

10. **Biểu B2.1-PĐG-TMĐTCNC**: Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì đề tài công nghệ cao.
11. **Biểu B2.2-PĐG-TMDAPTCNC**: Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án phát triển công nghệ cao.
12. **Biểu B2.3-PĐG-TMDAUDCNC:** Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án ứng dụng công nghệ cao.
13. **Biểu B2.4-PĐG-TMDASXCNC**: Phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì dự án sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

Biểu A1.1-PĐX-ĐTCNC
xx/2021/TT-BKHCN

PHIẾU ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

1. Tên đề tài công nghệ cao:

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì, tổ chức phối hợp:

- Tổ chức, cá nhân chủ trì:

- Tổ chức phối hợp *(ghi rõ tên tổ chức phối hợp ở trong và ngoài nước):*

3. Thời gian thực hiện: *(ghi rõ thời gian bắt đầu - kết thúc)*

4. Giải trình về tính cấp thiết: *(cần nêu rõ một số điểm sau)*

4.1. Đáp ứng mục tiêu, nội dung:

- Chương trình tại Quyết định số 130/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030;

- Tại Khoản 2 Điều 3, Điều 4 và Điều 6 của Thông tư số xx/2021/TT-BKHCN hướng dẫn quản lý Chương trình;

4.2. Đóng góp có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam;

4.3. Sản phẩm *(có tác động đến sự phát triển khoa học và công nghệ của lĩnh vực, ngành, địa phương, phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh: nghiên cứu phát triển công nghệ cao; nghiên cứu thích nghi, làm chủ công nghệ cao nhập khẩu, công nghệ cao được chuyển giao; nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, tạo ra công nghệ cao mới; việc tổ chức thực hiện có ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội quốc gia/địa phương);*

4.4. Tính khả thi về nguồn lực *(tổ chức chủ trì, phối hợp đề tài phải có năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công đề tài; có đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tham gia thực hiện đáp ứng yêu cầu về năng lực, trình độ để thực hiện nhiệm vụ).*

5. Mục tiêu:

- Mục tiêu về khoa học và công nghệ: *(phải rõ ràng, được định lượng và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực, ...).*

- Mục tiêu kinh tế - xã hội: *(thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra từ đề tài phải đủ lớn...).*

6. Nội dung thực hiện chủ yếu: *(nêu tóm tắt các nội dung chính và kế hoạch thực hiện, quy mô triển khai, phương án hợp tác giữa các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài nước... để giải quyết mục tiêu đặt ra).*

7. Dự kiến sản phẩm: công nghệ thuộc Danh mục CNC được ưu tiên đầu tư phát triển *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường).*

- Mẫu (model, maket); Sản phẩm (là hàng hóa, có khả năng tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi; ...

- Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi;...

- Bài báo; tài liệu, sách chuyên khảo;....

8. Khả năng áp dụng: *(địa chỉ, quy mô triển khai, các căn cứ để triển khai...)*

9. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí:	triệu đồng, trong đó:
Từ nguồn ngân sách Nhà nước:	triệu đồng
Từ nguồn vốn của doanh nghiệp:	triệu đồng
Từ các nguồn khác;	triệu đồng

10. Hiệu quả tác động:

10.1. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(nêu tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh, tham gia việc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững...).*

10.2. Hiệu quả về kinh tế: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do kết quả nhiệm vụ đem lại).*

10.3. Hiệu quả về xã hội: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp và gián tiếp do nhiệm vụ đem lại).*

11. Đề xuất kiến nghị khác:

(Gửi kèm báo cáo tài chính chứng minh năng lực của đơn vị 02 năm gần nhất)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

---

* Trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4

Biểu A1.2-PĐX-DAPTCNC
xx/2021/TT-BKHCN

PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

1. Tên dự án phát triển công nghệ cao:

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì, tổ chức phối hợp:

- Tổ chức, cá nhân chủ trì:

- Tổ chức phối hợp *(ghi rõ tên tổ chức phối hợp ở trong và ngoài nước):*

3. Thời gian thực hiện: *(ghi rõ thời gian bắt đầu - kết thúc)*

4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(cần nêu rõ một số điểm sau)*

4.1. Đáp ứng mục tiêu, nội dung:

- Chương trình tại Quyết định số 130/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030;

- Tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số xx/2021/TT-BKHCN hướng dẫn quản lý Chương trình; và

- Điều 7 của Thông tư số xx/2021/TT-BKHCN hướng dẫn quản lý Chương trình:

1/ Công nghệ trong dự án phát triển công nghệ cao phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải thuộc một trong những trường hợp sau: là công nghệ được nghiên cứu ứng dụng để tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao; được nghiên cứu để thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; được nghiên cứu để sáng tạo ra công nghệ cao mới.

2/ Kết quả của dự án phát triển công nghệ cao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: bảo đảm cho việc tạo ra công nghệ cao đạt trình độ tiên tiến trong khu vực trong từng giai đoạn đáp ứng nhu cầu thực tiễn; sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao đạt trình độ quốc tế; có ý nghĩa quyết định đến việc tạo ra sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế; tạo ra dịch vụ công nghệ cao công ích, hình thành doanh nghiệp công nghệ cao trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học; hình thành tập thể nghiên cứu khoa học mạnh; hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài để nghiên cứu giải quyết vấn đề thực tiễn có tác động quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội.

3/ Nhân lực tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trên tổng số lao động của dự án phải đạt ít nhất 10%.

4/ Tính đến thời điểm đăng ký tham gia thực hiện dự án, tổ chức chủ trì đề tài công nghệ cao phải có ít nhất 02 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước ưu tiên bài báo trong nhóm ISI/SCOPUS, hoặc 01 đề tài, dự án trong lĩnh vực có liên quan từ cấp Bộ trở lên đã được nghiệm thu.

4.2. Đóng góp có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam.

4.3. Sản phẩm *(có tác động đến sự phát triển khoa học và công nghệ của lĩnh vực, ngành, địa phương, phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh: làm chủ, phát triển công nghệ cao; hoàn thiện công nghệ, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, tạo ra công nghệ cao mới; ươm tạo công nghệ cao; triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm; sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp; việc tổ chức thực hiện có ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội quốc gia/địa phương);*

4.4. Tính khả thi về nguồn lực *(tổ chức chủ trì, phối hợp dự án công nghệ cao phải có năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công dự án; có đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tham gia thực hiện đáp ứng yêu cầu về năng lực, trình độ để thực hiện nhiệm vụ).*

5. Mục tiêu:

- Mục tiêu về khoa học và công nghệ: *(phải rõ ràng, được định lượng và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực, ...).*

- Mục tiêu kinh tế - xã hội: *(thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra từ dự án phải đủ lớn...).*

6. Nội dung thực hiện chủ yếu: *(nêu tóm tắt các nội dung chính và kế hoạch thực hiện, quy mô triển khai, phương án hợp tác giữa các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài nước... để giải quyết mục tiêu đặt ra).*

7. Dự kiến sản phẩm: *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường).*

- Mẫu (model, maket); Sản phẩm (là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi; ...

- Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi;...

- Bài báo; tài liệu, sách chuyên khảo; ....

8. Khả năng áp dụng: *(địa chỉ, quy mô triển khai, các căn cứ để triển khai...)*

9. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: triệu đồng, trong đó:

Từ nguồn ngân sách Nhà nước: triệu đồng

Từ nguồn vốn của tổ chức đăng ký thực hiện (nếu có): triệu đồng

Từ các nguồn khác (nếu có): triệu đồng

10. Hiệu quả tác động:

10.1. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(nêu tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh, tham gia việc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững ..).*

10.2. Hiệu quả về kinh tế: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do kết quả nhiệm vụ đem lại).*

10.3. Hiệu quả về xã hội: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp và gián tiếp do nhiệm vụ đem lại).*

11. Đề xuất kiến nghị khác:

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

---

* Trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4

Biểu A1.3-PĐX-DAUDCNC
xx/2021/TT-BKHCN

PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

1. Tên dự án ứng dụng công nghệ cao:

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì, tổ chức phối hợp:

- Tổ chức, cá nhân chủ trì:

- Tổ chức phối hợp *(ghi rõ tên tổ chức phối hợp ở trong và ngoài nước):*

3. Thời gian thực hiện: *(ghi rõ thời gian bắt đầu - kết thúc)*

4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(cần nêu rõ một số điểm sau)*

4.1. Đáp ứng mục tiêu, nội dung:

- Chương trình tại Quyết định số 130/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030;

- Tại Điểm b Khoản 3 Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số xx/2021/TT-BKHCN hướng dẫn quản lý Chương trình; và

- Điều 8 của Thông tư số xx/2021/TT-BKHCN hướng dẫn quản lý Chương trình:

1/ Công nghệ được sử dụng trong dự án ứng dụng công nghệ cao phải là công nghệ thế hệ mới và thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2/ Thuộc một trong các trường hợp sau: sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; sản xuất thử nghiệm sản phẩm, sản xuất sản phẩm ở quy mô công nghiệp; làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam.

3/ Nhân lực tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trên tổng số lao động của dự án phải đạt ít nhất 5%.

Số lao động có trình độ cao đẳng theo quy định tại điểm này không vượt quá 30% tổng số lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển.

4/ Chi phí hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của dự án phải đạt ít nhất 2% của phần giá trị gia tăng tạo ra của dự án tại Việt Nam.

Giá trị gia tăng tạo ra của dự án tại Việt Nam theo quy định tại điểm này được tính bằng tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào là nguyên liệu sản xuất nhập khẩu, mua nội địa.

5/ Dây chuyền công nghệ của dự án ứng dụng công nghệ cao phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển tự động theo chương trình. Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm;

6/ Hệ thống quản lý chất lượng của dự án ứng dụng công nghệ cao phải đạt một trong số các tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001, HACCP, CMM, GMP hoặc chứng chỉ, chứng nhận có giá trị tương đương (tùy theo đặc thù dự án ứng dụng công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế).

7/ Tuân thủ và áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành. Khuyến khích dự án áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, về tiết kiệm năng lượng như: ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương; ISO 50001 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

8/ Khuyến khích, ưu tiên dự án ứng dụng công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước.

4.2. Đóng góp có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam.

4.3. Sản phẩm *(có tác động đến sự phát triển khoa học và công nghệ của lĩnh vực, ngành, địa phương, phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh: làm chủ, phát triển công nghệ cao; hoàn thiện công nghệ, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, tạo ra công nghệ cao mới; ươm tạo công nghệ cao; triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm; sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp; việc tổ chức thực hiện có ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội quốc gia/địa phương);*

4.4. Tính khả thi về nguồn lực *(tổ chức chủ trì, phối hợp dự án công nghệ cao phải có năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công dự án; có đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tham gia thực hiện đáp ứng yêu cầu về năng lực, trình độ để thực hiện nhiệm vụ).*

5. Mục tiêu:

- Mục tiêu về khoa học và công nghệ: *(phải rõ ràng, được định lượng và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực, ...).*

- Mục tiêu kinh tế - xã hội: *(thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra từ dự án phải đủ lớn...).*

6. Nội dung thực hiện chủ yếu: *(nêu tóm tắt các nội dung chính và kế hoạch thực hiện, quy mô triển khai, phương án hợp tác giữa các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài nước... để giải quyết mục tiêu đặt ra).*

7. Dự kiến sản phẩm: *(sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường).*

- Mẫu (model, maket); Sản phẩm (là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi; ...

- Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi;...

- Bài báo; tài liệu, sách chuyên khảo;....

8. Khả năng áp dụng: *(địa chỉ, quy mô triển khai, các căn cứ để triển khai...)*

9. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: triệu đồng, trong đó:

Từ nguồn ngân sách Nhà nước: triệu đồng

Từ nguồn vốn của tổ chức đăng ký thực hiện (nếu có): triệu đồng

Từ các nguồn khác (nếu có): triệu đồng

10. Hiệu quả tác động:

10.1. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(nêu tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh, tham gia việc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững ..).*

10.2. Hiệu quả về kinh tế: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do kết quả nhiệm vụ đem lại).*

10.3. Hiệu quả về xã hội: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp và gián tiếp do nhiệm vụ đem lại).*

11. Đề xuất kiến nghị khác:

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

---

* Trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4

Biểu A1.4-PĐX-DASXCNC
xx/2021/TT-BKHCN

PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

1. Tên dự án sản xuất sản phẩm và cung ứng dịch vụ công nghệ cao:

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì, tổ chức phối hợp:

- Tổ chức, cá nhân chủ trì:

- Tổ chức phối hợp *(ghi rõ tên tổ chức phối hợp ở trong và ngoài nước):*

3. Thời gian thực hiện: *(ghi rõ thời gian bắt đầu - kết thúc)*

4. Tính cấp thiết của nhiệm vụ: *(cần nêu rõ một số điểm sau)*

4.1. Đáp ứng mục tiêu, nội dung:

- Chương trình tại Quyết định số 130/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030;

- Tại Điểm c Khoản 3 Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số xx/2021/TT-BKHCN hướng dẫn quản lý Chương trình; và

- Điều 9 của Thông tư số xx/2021/TT-BKHCN hướng dẫn quản lý Chương trình:

1/ Sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2/ Sản phẩm được tạo ra từ dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao là sản phẩm công nghệ cao có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và có thể thay thế sản phẩm công nghệ cao nhập khẩu.

3/ Nhân lực có chuyên môn phù hợp tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của dự án trên tổng số lao động của dự án phải đạt ít nhất 5%.

Số lao động có trình độ cao đẳng theo quy định tại điểm này không vượt quá 30% tổng số lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm.

4/ Chi phí hoạt động nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 2% của phần giá trị gia tăng tạo ra của dự án tại Việt Nam.

Giá trị gia tăng tạo ra của dự án tại Việt Nam theo quy định tại điểm này được tính bằng tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào là nguyên liệu sản xuất nhập khẩu, mua nội địa.

5/ Dây chuyền công nghệ của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển tự động hoặc bán tự động theo chương trình số hóa. Các thiết bị chính trong dây

chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm.

6/ Hệ thống quản lý chất lượng của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải đạt một trong số các tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001, HACCP, CMM, GMP hoặc chứng chỉ, chứng nhận có giá trị tương đương.

7/ Tuân thủ và áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành. Khuyến khích dự án áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, về tiết kiệm năng lượng như: ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương; ISO 50001 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

8/ Khuyến khích, ưu tiên dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao có sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, linh kiện, phụ tùng trong nước.

4.2. Đóng góp có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam.

4.3. Sản phẩm *(có tác động đến sự phát triển khoa học và công nghệ của lĩnh vực, ngành, địa phương, phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh: làm chủ, phát triển công nghệ cao; hoàn thiện công nghệ, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, tạo ra công nghệ cao mới; ươm tạo công nghệ cao; triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm; sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp; việc tổ chức thực hiện có ảnh hưởng tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội quốc gia/địa phương);*

4.4. Tính khả thi về nguồn lực *(tổ chức chủ trì, phối hợp dự án công nghệ cao phải có năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công đề tài; có đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ tham gia thực hiện đáp ứng yêu cầu về năng lực, trình độ để thực hiện nhiệm vụ).*

5. Mục tiêu:

- Mục tiêu về khoa học và công nghệ: *(phải rõ ràng, được định lượng và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực, ...).*

- Mục tiêu kinh tế - xã hội: *(thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra từ dự án phải đủ lớn...).*

6. Nội dung thực hiện chủ yếu: *(nêu tóm tắt các nội dung chính và kế hoạch thực hiện, quy mô triển khai, phương án hợp tác giữa các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài nước... để giải quyết mục tiêu đặt ra).*

7. Dự kiến sản phẩm: *(sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại*

cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường).

- Mẫu (model, maket); Sản phẩm (là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi; ...

- Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi;...

- Bài báo; tài liệu, sách chuyên khảo;....

8. Khả năng áp dụng: *(địa chỉ, quy mô triển khai, các căn cứ để triển khai...)*

9. Dự kiến kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí: triệu đồng, trong đó:

Từ nguồn ngân sách Nhà nước: triệu đồng

Từ nguồn vốn của tổ chức đăng ký thực hiện (nếu có): triệu đồng

Từ các nguồn khác (nếu có): triệu đồng

10. Hiệu quả tác động:

10.1. Hiệu quả về khoa học và công nghệ: *(nêu tác động đối với lĩnh vực khoa học công nghệ liên quan, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, tăng cường năng lực nội sinh, tham gia việc bảo vệ môi trường, phát triển bền vững ..).*

10.2. Hiệu quả về kinh tế: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế trực tiếp và gián tiếp do kết quả nhiệm vụ đem lại).*

10.3. Hiệu quả về xã hội: *(phân tích rõ hiệu quả kinh tế - xã hội trực tiếp và gián tiếp do nhiệm vụ đem lại).*

11. Đề xuất kiến nghị khác:

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT
(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

---

* Trình bày không quá 6 trang giấy khổ A4

Biểu A5-PĐG
xx/2021/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày … tháng … năm 20 …

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CAO, DỰ ÁN CÔNG NGHỆ CAO THỰC HIỆN TRONG CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

1. Tên đề tài công nghệ cao, dự án công nghệ cao *(dự án phát triển công nghệ cao; dự án ứng dụng công nghệ cao; dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao)*:

Mã số: …… Thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030.

2. Quyết định thành lập Hội đồng số: ……. /QĐ-BKHCN ngày .../.../202... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Họ tên và chức danh thành viên Hội đồng:

4. Đánh giá của thành viên Hội đồng:

a) Sự phù hợp của nhiệm vụ so với các vấn đề khoa học và công nghệ, nhu cầu thực tiễn đặt ra hiện nay: *(Nếu chưa phù hợp cần chỉ rõ những điểm chưa phù hợp và phương án chỉnh sửa)*

b) Sự phù hợp của đề tài công nghệ cao, dự án công nghệ cao *(dự án phát triển công nghệ cao; dự án ứng dụng công nghệ cao; dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao)* đáp ứng với yêu cầu quy định tại Quyết định số 130/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 và Thông tư số xx/2021/TT-BKHCN hướng dẫn quản lý Chương trình: *(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa là:)*

- Đối với đề tài công nghệ cao đáp ứng quy định tại Điều 3, Điều 4 và Điều 6 của Thông tư;
- Đối với dự án công nghệ cao đáp ứng quy định tại Điều 3, Điều 4 của Thông tư và: 1. Dự án phát triển công nghệ cao đáp ứng Điều 7 của Thông tư; 2. Dự án ứng dụng công nghệ cao đáp ứng Điều 8 của Thông tư; 3. Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao đáp ứng Điều 9 của Thông tư.

c) Sự phù hợp của tên, định hướng mục tiêu và yêu cầu sản phẩm đối với đề tài công nghệ cao, dự án công nghệ cao và tên, mục tiêu, yêu cầu về các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật đối với sản phẩm là công nghệ: *(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)*

d) Tính khả thi về thương mại, thị trường hoặc ứng dụng của sản phẩm:

e) Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì và đề xuất phương thức lựa chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện (tuyển chọn/giao trực tiếp):

g) Ý kiến khác:

Kiến nghị của thành viên Hội đồng: (đánh dấu X vào 1 trong 2 ô dưới đây)

- Đề nghị thực hiện: ☐
- Đề nghị không thực hiện: ☐

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

BẢNG ĐÁNH GIÁ ĐỀ XUẤT ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CAO, DỰ ÁN CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030[1]

(Kèm theo Phiếu đánh giá đề xuất đề tài công nghệ cao, dự án công nghệ cao thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030)

1. Tên đề tài công nghệ cao, dự án công nghệ cao:

2. Họ tên và chức danh thành viên Hội đồng:

3. Quyết định thành lập Hội đồng số: ……./QĐ-BKHCN ngày .../.../202... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Tiêu chí đánh giá	**Chỉ tiêu đánh giá**	**Nội dung chỉ tiêu**	**Đánh giá** (Đạt-ghi X)
1. Sự phù hợp về Công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao được tạo ra từ đề tài công nghệ cao, dự án công nghệ cao	1. Mức độ phù hợp của đề tài công nghệ cao/dự án công nghệ cao	1.1. Kết quả của đề tài công nghệ cao/dự án công nghệ cao thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành	
		1.2. Tính cấp thiết và kết quả đề tài công nghệ cao/dự án công nghệ cao có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam	
		1.3. Đáp ứng có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường	
2. Tính khả thi về mục tiêu	2. Mục tiêu của đề tài công nghệ cao/dự án công nghệ cao rõ ràng, định lượng	2. Sản phẩm của đề tài công nghệ cao, dự án công nghệ cao phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực	
3. Tính khả thi về thương mại	3. Tính khả thi về thị trường	3.1. Khả năng cạnh tranh của quy trình/sản phẩm	

		3.2. Thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra phải đủ lớn	
4. Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp[2]	4. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	4.1. Năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý	
		4.2. Nguồn tài chính và cơ sở hạ tầng. (Đối với Tổ chức chủ trì dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải cam kết đầu tư bằng nguồn vốn tự có của tổ chức chủ trì cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam. Đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải thành lập và sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp)	
	5. Năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	5.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì	
		5.2. Nguồn nhân lực của tổ chức phối hợp	

[1] Đề tài công nghệ cao, dự án công nghệ cao đạt 10/10 chỉ tiêu được đánh giá là "Đạt" mới đủ điều kiện để xem xét đề nghị thực hiện.

[2] Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp là cơ sở để xem xét giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện.

Biểu B1.1-TMĐTCNC
xx/2021/TT-BKHCN

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030[1]

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CAO

1	Tên đề tài công nghệ cao:		
2	Loại đề tài công nghệ cao:	**3**	**Cơ quan chủ quản quản lý đề tài công nghệ cao**
- Thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 - Mã số:		Bộ KH&CN ☐ Bộ, ngành ☐ Tỉnh, thành phố ☐	
4	**Thời gian thực hiện:** tháng (Từ tháng /20... đến tháng /20...)		
5	**Tổng kinh phí thực hiện:** ……. **triệu đồng, trong đó:**		

Nguồn	*Kinh phí (triệu đồng)*
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Từ nguồn tự có của tổ chức	
- Từ nguồn khác	

6 Chủ nhiệm đề tài công nghệ cao:

Họ và tên: ……...

Ngày, tháng, năm sinh:…….. Nam/Nữ: …….

Học hàm, học vị: ……

Chức danh khoa học: …….. Chức vụ: …….....

Tên tổ chức đang công tác: …….

Điện thoại của tổ chức: …… Nhà riêng: ……. Mobile: ….....

Địa chỉ tổ chức: ……..

Địa chỉ nhà riêng: ……...

7 Thư ký đề tài công nghệ cao:

Họ và tên: ……...

Ngày, tháng, năm sinh:…….. Nam/Nữ: …….....

Học hàm, học vị: ……....

Chức danh khoa học: …….. Chức vụ: ……...

Tên tổ chức đang công tác: …….

Điện thoại của tổ chức: …… Nhà riêng: ……. Mobile: ……

Địa chỉ tổ chức: ……

Địa chỉ nhà riêng: ……

8 Tổ chức chủ trì đề tài công nghệ cao[2]

Tên tổ chức chủ trì đề tài công nghệ cao: ……...

Điện thoại: …… Fax: ……

E-mail: ……....

Địa chỉ: ……...

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: …….

Số tài khoản: ……...

Kho bạc nhà nước/Ngân hàng: ……...

9 Tổ chức chủ quản quản lý đề tài công nghệ cao

Tên tổ chức chủ quản quản lý đề tài công nghệ cao: ……..…

Điện thoại: …… Fax: ……

E-mail: ……

Địa chỉ: ……...

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: …….

10 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài công nghệ cao *(nếu có)*

1. **Tổ chức 1:** ……..

Tên cơ quan chủ quản: ……

Điện thoại: …… Fax: ……

Địa chỉ: ……..

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ……

2. **Tổ chức 2:**

Tên cơ quan chủ quản: ……

Điện thoại: …… Fax: ……

Địa chỉ: ……..

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ……

11 Các cán bộ thực hiện đề tài công nghệ cao

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài công

nghệ cao. Thành viên, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký).

Số TT	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung, công việc chính tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi[3])
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CAO

12	**Mục tiêu của đề tài công nghệ cao** *(Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có hoặc đề xuất nhiệm vụ đã được duyệt)*

- Phải rõ ràng, được định lượng và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực. Thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra từ đề tài phải đủ lớn.

- Các nhiệm vụ nghiên cứu phát triển công nghệ cao; nghiên cứu thích nghi, làm chủ công nghệ cao nhập khẩu, công nghệ cao được chuyển giao; nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, tạo ra công nghệ cao mới nhằm thực hiện các nội dung về nghiên cứu phát triển được xác định trong Chương trình;

- Rõ ràng, được định lượng và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực.

……
……
……

13	**Tình trạng đề tài công nghệ cao**

☐ Mới ☐ Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả

☐ Kế tiếp nghiên cứu của người khác

14	**Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài công nghệ cao**

14.1. ***Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài công nghệ cao***

Ngoài nước *(Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài công nghệ cao; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó)*

……..

……..

……..

Trong nước *(Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài công nghệ cao, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài công nghệ cao mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài công nghệ cao cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung liên quan đến đề tài công nghệ cao này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài công nghệ cao này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)*

……..

……..

……..

14.2. Luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận, thực tiễn và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài công nghệ cao

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài công nghệ cao, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hóa mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu)

……..

……..

……..

15	***Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài công nghệ cao đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan***

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài công nghệ cao).

……..

……..

……..

16	**Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai của đề tài công nghệ cao và phương án thực hiện**

(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu khoa học và phương án triển khai phù hợp để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó; những hoạt động để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có)

Nội dung 1: .....

.....

Nội dung 2: .....

.....

Nội dung 3: .....

.....

17	**Các hoạt động phục vụ nội dung của đề tài công nghệ cao:**

(Giải trình các hoạt động cần thiết dưới đây phục vụ cho nội dung nghiên cứu của đề tài công nghệ cao)

- Khảo sát điều tra thực tế trong nước *(quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)*
- Khảo sát nước ngoài *(quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)*
- Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu *(các tài liệu chính)*
- Hội thảo/tọa đàm khoa học *(số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)*
- Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài
- Triển khai thực nghiệm
- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, huấn luyện
- Chuyển giao công nghệ, mua sáng chế
- …….
- ……..

18	**Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng**

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài công nghệ cao)

	Cách tiếp cận: .... ***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:*** ....
19	**Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu, cơ sở sản xuất trong nước**
(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài công nghệ cao và nội dung công việc tham gia trong đề tài công nghệ cao, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có). …….. …….. ……..	
20	**Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)**
(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác-đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài công nghệ cao) …….. ……..	

21	**Kế hoạch thực hiện:**				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	**Kết quả phải đạt**	**Thời gian** *(bắt đầu, kết thúc)*	**Cá nhân, tổ chức thực hiện***	**Dự kiến kinh phí**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	***Nội dung 1***				
	- Công việc 1				

	- Công việc 2				
2	***Nội dung 2***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
3	***Nội dung 3***				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				

** Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 11*

III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

22	**Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt** *(Liệt kê theo dạng sản phẩm)*[4]

Dạng I: Mẫu *(model, maket)*; Sản phẩm *(là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường)*; Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác.

- Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

- Khuyến khích tạo ra công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao có mức độ sáng tạo cao trên cơ sở làm chủ công nghệ nguồn, có tiềm năng thương mại hóa và tiêu thụ lớn trên thị trường, thuộc một số lĩnh vực công nghệ có ý nghĩa then chốt, hoặc công nghệ, sản phẩm chủ lực của các ngành, lĩnh vực và địa phương.

Số TT	**Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm**	**Đơn vị đo**	**Mức chất lượng**			**Dự kiến số lượng/ quy mô sản phẩm tạo ra**
			Cần đạt	**Mẫu tương tự** *(theo các tiêu chuẩn mới nhất)*		
				Trong nước	**Thế giới**	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*

22.1. Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài công nghệ cao:*

- Có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam

- Có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

……..

……..

……..

Dạng II: Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (*phương pháp, quy trình, mô hình*,...); Đề án, qui hoạch, kế hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

Số TT	**Tên sản phẩm**	**Yêu cầu khoa học cần đạt**	**Ghi chú**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*

Dạng III: Bài báo; Tài liệu phục vụ đào tạo (khung chương trình, chương trình, giáo trình, bài giảng ,...); Sách chuyên khảo và các sản phẩm là kết quả các đề tài thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030 được quy định tại Thông tư này.

Số TT	**Tên sản phẩm**	**Yêu cầu khoa học cần đạt**	**Dự kiến nơi công bố** (Tạp chí, Nhà xuất bản)	**Ghi chú**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*

22.2. Yêu cầu khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có

(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài công nghệ cao)

……..

……..

……..

22.3. Kết quả tham gia đào tạo sau đại học

Số TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
	Thạc sỹ			
	Tiến sỹ			

22.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo bộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng, quyền tác giả:

.....

.....

23 Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

23.1. Khả năng về thị trường

- Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường.

- Thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra từ đề tài công nghệ cao phải đủ lớn.

……..

……..

……..

23.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh, vào hoạt động của các tổ chức khác (*Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)*

……..

……..

……..

23.3. Khả năng liên doanh liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu, thực hiện *(Khả năng huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công đề tài công nghệ cao)*

……..

……..

……..

23.4. Phương thức chuyển giao

(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn-với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu- theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra...)

……..

……..

……..

24	**Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài công nghệ cao**

……..

……..

……..

25	**Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu**

25.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan

(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)

……..

……..

……..

25.2. Đối với tổ chức chủ trì và các tổ chức, doanh nghiệp ứng dụng, sử dụng kết quả nghiên cứu

……..

……..

……..

25.3. Đối với kinh tế-xã hội và môi trường

Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực; đóng góp cho việc xây dựng chủ trương, chính sách, pháp luật hoặc có tác động làm chuyển biến nhận thức của xã hội và tác động đối với ngành, lĩnh vực sản xuất; Nâng cao năng lực KHCN của tổ chức, cá nhân thông

qua tham gia thực hiện đề tài công nghệ cao hoặc sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài công nghệ cao.

……..

……..

……..

IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CAO VÀ NGUỒN KINH PHÍ (Giải trình chi tiết xin xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

26	**Kinh phí thực hiện đề tài công nghệ cao phân theo các khoản chi**						
	Nguồn kinh phí	**Tổng số**	**Trong đó**				
			Trả công lao động (khoa học, phổ thông)	**Nguyên, vật liệu, năng lượng**	**Thiết bị, máy móc**	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**	**Chi khác**
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
	Tổng kinh phí						
	Trong đó:						
1	Ngân sách SNKH:						
	- Năm thứ nhất*:						
	- Năm thứ hai*:						
	- Năm thứ ba*:						
2	Nguồn tự có của cơ quan						
3	Nguồn khác *(vốn huy động,...)*						

(*): chi dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

……, Ngày ... tháng ... năm ...
Chủ nhiệm đề tài công nghệ cao
(Họ tên và chữ ký)

……, Ngày ... tháng ... năm ...
Tổ chức chủ trì đề tài công nghệ cao
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu - nếu có)

……, Ngày ... tháng ... năm ...
Bộ Khoa học và Công nghệ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

……, Ngày ... tháng ... năm ...
Thủ trưởng cơ quan Chủ quản[5]
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

---

[1] Mẫu Thuyết minh này áp dụng cho đề tài công nghệ cao.

[2] Tổ chức chủ trì đăng ký chủ trì đề tài công nghệ cao là tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của đề tài công nghệ cao.

[3] Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng.

[4] Ghi kết quả tương ứng với đề tài đăng ký thực hiện

[5] Nếu Bộ KH&CN là cơ quan Chủ quản quản lý đề tài thì không cần xác nhận nội dung này.

PHỤ LỤC THUYẾT MINH ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CAO
DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CAO

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn								
				Ngân sách SNKH								Khác
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất *	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định* *	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	**Trả công lao động** *(khoa học, phổ thông)* gồm: *Nội dung 1* *Nội dung 2* *Nội dung 3...* - Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài - Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, huấn luyện - Khảo sát, điều tra,...											
2	**Nguyên, vật liệu, năng lượng**											
3	**Thiết bị, máy móc, phần mềm**											
4	**Xây dựng, sửa chữa nhỏ**											
5	**Chi khác** *Trong đó:* - Công tác trong nước *(địa điểm, thời gian)* - Hợp tác quốc tế *(nước, số người)* - Khảo sát/điều tra thực tế trong nước *(quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)* - Khảo sát nước ngoài *(quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)*											

	- Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu *(các tài liệu chính)* - Hội thảo/tọa đàm khoa học *(số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)* - Triển khai thực nghiệm, thử nghiệm - Chuyển giao công nghệ, mua sáng chế. - Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, huấn luyện											
	Tổng cộng:											

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	**Nội dung lao động** Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 21 của thuyết minh	**Tổng số**		**Nguồn vốn**								
				Ngân sách SNKH								**Khác**
		Mục chi	**Ngân sách SNKH**	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định* *	Năm thứ ba*	Trong đó, khoán chi theo quy định*	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	**Nội dung 1**											
	- Sản phẩm 1											
	- Sản phẩm 2											
2	**Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài**											
	- Công việc 1											
	- Công việc 2											
	Tổng cộng:											

Khoản 2. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn								
						Ngân sách SNKH								Khác
						Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo quy định **	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	**Nguyên, vật liệu** *(Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại thuyết minh)*													
2	**Năng lượng, nhiên liệu**													
3	**Mua sách, tài liệu, số liệu**													
Cộng:														

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Mục chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn				
							Ngân sách SNKH				Khác
							Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai *	Năm thứ ba *	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	**Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài công nghệ cao** *(chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)*										
2	**Thiết bị mua mới, phần mềm, chuyển giao công nghệ, mua sáng chế,...**										
3	**Thuê thiết bị** *(ghi tên thiết bị, thời gian thuê)*										
Cộng:											

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn				
			Ngân sách SNKH				Khác
			Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba *	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1							
2							
3							
	Cộng:						

Khoản 5. Chi khác

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số		Nguồn vốn								
				Ngân sách SNKH								Khác
		Mục chi	Tổng	Tổng số	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ nhất*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ hai*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	Năm thứ ba*	*Trong đó, khoán chi theo quy định**	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
1	**Công tác trong nước** *(địa điểm, thời gian, số lượt người)*											
2	**Hợp tác quốc tế**											
a	Đoàn ra *(nước đến, số người, số ngày, số lần)*											
b	Đoàn vào *(số người, số ngày, số lần...)*											
3	**Kinh phí quản lý** *(của cơ quan chủ trì)*											
4	**Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp**											
	- Chi phí kiểm tra nội bộ											
	- Chi nghiệm thu trung gian											
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ											
	- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài											
5	**Chi điều tra, khảo sát, thực nghiệm, thử nghiệm**											
	- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước *(quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp)*											
	- Khảo sát nước ngoài *(quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)*											

	- Triển khai thực nghiệm, thử nghiệm											
	- …..											
6	**Chi khác**											
	- Hội thảo/tọa đàm khoa học *(số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)*											
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm											
	- Dịch tài liệu											
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ											
	- Sưu tầm tài liệu phục vụ nghiên cứu											
	- Khác											
7	**Phụ cấp chủ nhiệm đề tài công nghệ cao**											
8	**Phụ cấp thư ký đề tài công nghệ cao**											
	Cộng:											

Biểu B1.2-TMDAPTCNC
xx/2021/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030[1]

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO

1	**Tên dự án phát triển công nghệ cao:**		
2	**Loại dự án phát triển công nghệ cao:**	**3**	**Cơ quan chủ quản quản lý dự án**
- Thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030. - Mã số:		Bộ KH&CN ☐ Bộ, ngành ☐ Tỉnh, thành phố ☐	
4	**Thời gian thực hiện:** ……. tháng		
	Từ tháng /20... đến tháng /20...)		
5	**Tổng kinh phí thực hiện:** …… **triệu đồng, trong đó:**		

Nguồn	*Kinh phí (Triệu đồng)*
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Từ nguồn tự có của tổ chức	
- Từ nguồn khác	

6	**Chủ nhiệm dự án phát triển công nghệ cao**
	Họ và tên: ……
	Ngày, tháng, năm sinh: ……. Nam/ Nữ: ……..
	Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ……
	Chức danh khoa học: …….. Chức vụ: ……...
	Tên tổ chức đang công tác: ……
	Điện thoại của tổ chức: ……. Nhà riêng: …….. Mobile: ……...
	Fax: …… Email: ……
	Địa chỉ tổ chức: ……..……
	Địa chỉ nhà riêng: ……..
7	**Thư ký dự án phát triển công nghệ cao**
	Họ và tên: ……..
	Ngày, tháng, năm sinh: ……. Nam/ Nữ: ……..…
	Học hàm, học vị: ……

	Chức danh khoa học: …….. Chức vụ: ……..……
	Tên tổ chức đang công tác: ……
	Điện thoại của tổ chức:……. Nhà riêng: …….. Mobile: …….....
	Fax: …… Email: ……
	Địa chỉ tổ chức: ……..
	Địa chỉ nhà riêng: ……..
8	**Tổ chức chủ trì thực hiện dự án phát triển công nghệ cao**
	Tên tổ chức chủ trì dự án:
	Điện thoại: …… Fax: ……..……..…
	Email: …….
	Website: …….
	Địa chỉ: ……..
	Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ……
	Số tài khoản: ……..……
	Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng: ……
9	**Tổ chức chủ quản quản lý dự án phát triển công nghệ cao**
	Tên tổ chức chủ quản quản lý dự án: ……..…
	Điện thoại: …… Fax: ……
	Email: ……
	Địa chỉ: …….
	Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ……...
10	**Tổ chức tham gia chính**
	10.1. Tổ chức tham gia chính 1
	Tên tổ chức: ……
	Điện thoại: …… Fax: ……
	Email: ……
	Website: ……
	Địa chỉ: …….
	Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ……..……
	Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án: .....
	10.2. Tổ chức phối hợp khác
	Tên tổ chức .....…….
	Điện thoại: …… Fax: ……

	Email: …… Website: …… Địa chỉ: …… Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ……
11	**Cán bộ thực hiện chính dự án phát triển công nghệ cao**
	(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài công nghệ cao. Thành viên, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

Số TT	**Họ và tên**	**Tổ chức công tác**	**Nội dung công việc tham gia**	**Thời gian làm việc cho dự án** (Số tháng quy đổi[2])
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

12	**Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của dự án phát triển công nghệ cao**

Ngoài nước *(Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của dự án phát triển công nghệ cao; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó)*

……

……

……

……

Trong nước *(Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của dự án, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến dự án mà các cán bộ tham gia dự án đã thực hiện. Nếu có các dự án cùng*

bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến dự án này; Nếu phát hiện có dự án đang tiến hành mà dự án này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên dự án, Tên Chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì dự án đó)

……

……

……

13 Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án phát triển công nghệ cao

13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án phát triển công nghệ cao

Công nghệ trong dự án phát triển công nghệ cao phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải thuộc một trong những trường hợp sau: là công nghệ được nghiên cứu ứng dụng để tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao; được nghiên cứu để thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; được nghiên cứu để sáng tạo ra công nghệ cao mới.

……

……

……

13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án phát triển công nghệ cao. *(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; Thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra từ dự án phát triển công nghệ cao phải đủ lớn; Khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).*

……

……

……

13.3. Tác động của kết quả dự án phát triển công nghệ cao đến kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng *(Tác động của sản phẩm dự án thúc đẩy phát triển KT-XH của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực: khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).*

……

……

……

13.4. Năng lực thực hiện dự án phát triển công nghệ cao *(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: có năng lực hoặc huy*

động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).

……

……

……

13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án phát triển công nghệ cao *(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ...).*

……

……

……

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO

14	**Mục tiêu**

14.1. Mục tiêu sản phẩm đặt ra *(Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);*

- Công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao được tạo ra từ dự án phát triển công nghệ cao phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

(ii) Có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam;

(iii) Có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Phải rõ ràng, được định lượng và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực. Thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra phải đủ lớn.

- Kết quả của dự án phát triển công nghệ cao phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: bảo đảm cho việc tạo ra công nghệ cao đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao đạt trình độ quốc tế; có ý nghĩa quyết định đến việc tạo ra sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế; tạo ra dịch vụ công nghệ cao công ích, hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học; hình thành tập thể nghiên cứu khoa học mạnh; hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài để nghiên cứu giải quyết vấn đề thực tiễn có tác động quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội;

- Khuyến khích tạo ra công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao có mức độ sáng tạo cao trên cơ sở làm chủ công nghệ nguồn, có tiềm năng thương mại hóa và tiêu thụ lớn trên thị trường, thuộc một số lĩnh vực công nghệ có ý nghĩa then chốt, hoặc công nghệ, sản phẩm chủ lực của các ngành, lĩnh vực và địa phương.

……

……

……

14.2. Mục tiêu triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp *(Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)*

Có hoạt động nghiên cứu làm chủ, phát triển công nghệ cao; hoàn thiện công nghệ, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, tạo ra công nghệ cao mới; ươm tạo công nghệ cao; triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm; sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp

……

……

……

15	**Nội dung:**

15.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án phát triển công nghệ cao

- Công nghệ trong dự án phát triển công nghệ cao phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải thuộc một trong những trường hợp sau: là công nghệ được nghiên cứu ứng dụng để tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao; được nghiên cứu để thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; được nghiên cứu để sáng tạo ra công nghệ cao mới)

……

……

……

15.2. Phân tích những vấn đề mà dự án phát triển công nghệ cao cần giải quyết về công nghệ *(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô);*

……

……

……

15.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án phát triển công nghệ cao.

Nội dung 1:

……

……

Nội dung 2:

……

……

15.4. Các hoạt động phục vụ nội dung của dự án phát triển công nghệ cao:

- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp);

- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)

- Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)

- Hội thảo/tọa đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)

- Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài

- Triển khai thực nghiệm

- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, huấn luyện

- Chuyển giao công nghệ, mua sáng chế.

……..

16	**Phương án triển khai**

16.1. Phương án tổ chức triển khai dự án phát triển công nghệ cao:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

- Cần làm rõ năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công dự án;

- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án phát triển công nghệ cao; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án phát triển công nghệ cao; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm *(kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)*

……

……

……

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án phát triển công nghệ cao:

- Địa điểm thực hiện dự án phát triển công nghệ cao *(nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m^2), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....);*

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai sản xuất thử nghiệm *(làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án; ....);*

- Nguyên vật liệu *(khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);*

- Nhân lực cần cho triển khai dự án phát triển công nghệ cao: Nhân lực tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trên tổng số lao động của dự án phải đạt ít nhất 10%.

; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án *(số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).*

- Môi trường *(đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);*

……

……

……

16.2. Phương án tài chính *(Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án) trên cơ sở:*

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án phát triển công nghệ cao, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo *(trong trường hợp cần thiết)*;

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án *(kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án,...);*

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước *(các nội dung chi bằng nguồn vốn này)*

Ghi chú:

+ Chi cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thường xuyên

hằng năm bao gồm: tiền lương và các khoản có tính chất giống lương (thưởng, phụ cấp, khoán chi phí đi lại, công tác phí) cho nhân lực và nhân lực phục vụ nghiên cứu; chi thù lao cho chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học có liên quan đến nội dung nghiên cứu; chi thuê cơ sở phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; các khoản chi thường xuyên khác (chi mua dụng cụ, vật tư, nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, năng lượng, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu).

+ Những nội dung chi sau đây không được tính cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thường xuyên hằng năm của dự án: chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc kiểm tra định kỳ nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng; chi phí thu thập dữ liệu định kỳ không liên quan đến nghiên cứu; chi phí điều tra về hiệu quả hoặc nghiên cứu về quản lý; chi phí nghiên cứu về tiếp thị và quảng cáo bán hàng.

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án *(theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có);* thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)

……

……

16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án *(Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);*

- Dự báo nhu cầu thị trường của sản phẩm phải đủ lớn *(dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);*

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án phát triển công nghệ cao *(tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);*

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất *(so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới);* các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

……

……

……

17	**Sản phẩm của dự án phát triển công nghệ cao**

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i)Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii)Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

- Công nghệ trong dự án phát triển công nghệ cao phải thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và phải thuộc một trong những trường hợp sau: là công nghệ được nghiên cứu ứng dụng để tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao; được nghiên cứu để thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; được nghiên cứu để sáng tạo ra công nghệ cao mới;

- Có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam;

- Có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

- Phải đáp ứng một trong các điều kiện sau: bảo đảm cho việc tạo ra công nghệ cao đạt trình độ tiên tiến trong khu vực; sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao đạt trình độ quốc tế; có ý nghĩa quyết định đến việc tạo ra sản phẩm chủ lực của các ngành kinh tế; tạo ra dịch vụ công nghệ cao công ích, hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên cơ sở kết quả nghiên cứu khoa học; hình thành tập thể nghiên cứu khoa học mạnh; hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài để nghiên cứu giải quyết vấn đề thực tiễn có tác động quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội.

……

……

……

18	**Phương án phát triển của dự án phát triển công nghệ cao sau khi kết thúc**

18.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i)Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii)Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii)Liên doanh, liên kết; (iv)Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

……

……

……

18.2. Quy mô sản xuất *(Công nghệ, nhân lực, sản phẩm ...)*

……

……

……

18.3. Tổng số vốn của dự án phát triển công nghệ cao

……

……

……

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án phát triển công nghệ cao = Vốn cố định của sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + vốn lưu động.

*** Vốn cố định của sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

*** Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

*** Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án phát triển công nghệ cao

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó						
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động			
			Thiết bị, máy móc đã có và mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	***Ngân sách SNKH:*** - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
2	***Các nguồn vốn khác*** 2.1. Vốn tự có của cơ sở: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2. Khác (vốn huy động,...) - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
Cộng									

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm

(Trong thời gian thực hiện Dự án phát triển công nghệ cao)

Số TT	Nội dung	Tổng số chi phí *(1.000 đ)*	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
A	**Chi phí trực tiếp**					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
B	**Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định**					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác *(trả lãi vay, các loại phí,...)*					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

Ghi chú:

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:* tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

Bảng 3. Tổng doanh thu

(Cho thời gian thực hiện Dự án phát triển công nghệ cao)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến *(1000 đ)*	Thành tiền *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				Cộng:	

Bảng 4. Tổng doanh thu

(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá *(1000 đ)*	Thành tiền *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				Cộng:	

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án phát triển công nghệ cao *(cho 1 năm đạt 100% công suất)*

TT	Nội dung	Thành tiền *(1.000đ)*
1	*2*	*3*
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án phát triển công nghệ cao	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng: (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích:

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\textbf{Thời gian thu hồi vốn T} = \frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng + Khấu hao}} = \text{------} = \textbf{... năm}$$

$$\textbf{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \ldots\ \%;$$

$$\textbf{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \ldots\ \%;$$

19 Hiệu quả kinh tế - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường... và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực)

.....

.....

.....

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

.....

……, Ngày ……. tháng ….. năm	*……, Ngày ……. tháng ….. năm*
Chủ nhiệm	**Tổ chức chủ trì**
dự án phát triển công nghệ cao	**dự án phát triển công nghệ cao**
(Họ tên và chữ ký)	*(Họ tên, chữ ký và đóng dấu - nếu có)*
……, Ngày ……. tháng ….. năm	*……, Ngày ……. tháng ….. năm*
Bộ Khoa học và Công nghệ	**Thủ trưởng cơ quan Chủ quản[3]**
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)	*(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)*

[1] Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4, áp dụng cho dự án nghiên cứu phát triển công nghệ và các dự án khác.

[2] Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

[3] Nếu Bộ KH&CN là cơ quan Chủ quản quản lý dự án thì không cần xác nhận nội dung này.

Phụ lục thuyết minh dự án phát triển công nghệ cao (TMDAPTCNC)

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO

(Theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Thiết bị, máy móc mua mới, thuê													
2	Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo, thuê													
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ													
a	*Chi phí công lao động trực tiếp*													
b	*Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài*													
4	Chi phí đào tạo công nghệ													
5	Chi phí lao động													
6	Nguyên vật liệu, năng lượng													
7	Chi khác													
	Tổng cộng													

Phụ lục 1-TMDAPTCNC

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Nguyên, vật liệu chủ yếu																
2	Nguyên, vật liệu phụ																
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																
Cộng:																	

Phụ lục 2-TMDAPTCNC

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4	Điện :	*kW/h*															
	- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW																
5	Nước:	m^3															
6	Xăng dầu:	*lít*															
	- Cho thiết bị sản xuất ..... tấn																
	- Cho phương tiện vận tải ..... tấn																
Cộng:																	

Phụ lục 3a-TMDAPTCNC

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

Đơn vị: triệu đồng

A. Thiết bị hiện có *(tính giá trị còn lại)*

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Thiết bị công nghệ**				
1					
2					
3					
4					
II	**Thiết bị thử nghiệm, đo lường**				
1					
2					
3					
4					
				Cộng:	

Phụ lục 3b-TMDAPTCNC

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
						Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	**Tổng số**	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Mua thiết bị công nghệ												
	……												
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường												
	……..												
3	Mua bằng sáng chế, bản quyền												
4	Mua phần mềm máy tính												
5	Vận chuyển lắp đặt												
6	Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 6 để tính vốn lưu động)												
7	Bảo dưỡng, sửa chữa												
Cộng:													

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ **mua nguyên chiếc** thiết bị, máy móc

Phụ lục 4-TMDAPTCNC

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số ngày công quy đổi	Kinh phí (triệu đồng)		
				Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm dự án					
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học					
3	Thành viên					
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ					
Cộng:						

Phụ lục 4a. CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Nội dung công việc[1] Nội dung công việc	Chức danh nghiên cứu[2]	Tổng số người thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)[3]	Số ngày công quy đổi (Snc)[4]	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn					
							Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước		
							Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	7=5x6x**Lcs**[5]	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
A	**Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ** *(kể cả công nghệ nhập)*											
1	- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ											
	1.1. Công việc 1:											
	……..											
2	- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật											
	2.1. Công việc 1:											
	…….											
3	- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào .											
	3.1. Công việc 1:											
4	- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm											
	4.1. Công việc 1:											
B	Chi phí đào tạo công nghệ											
	- Cán bộ công nghệ											
	- Công nhân vận hành											
Cộng:												

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với nội dung nêu tại *mục 15 của thuyết minh*.
2.Thành viên chinh thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 11 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại *mục 15 của thuyết minh*.
3. Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4. **Hstcn** đươc xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
5. **Snc** theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục 4b. Thuê chuyên gia *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 15 của thuyết minh)*

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
I	**Chuyên gia trong nước**								
1									
…..									
…..									
II	**Chuyên gia nước ngoài**								
1									
…..									

Phụ lục 5-TMDAPTCNC

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có *(giá trị còn lại)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
3					
Cộng A:					

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	**Tổng số**	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Xây dựng nhà xưởng mới									
2	Chi phí sửa chữa cải tạo									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện									
4	Chi phí lắp đặt hệ thống nước									
5	Chi phí khác									
	Cộng B:									

Phụ lục 6-TMDAPTCNC

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Chi phí tr. đ/ người/ tháng	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn							
						Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Chủ nhiệm Dự án												
2	Kỹ sư												
3	Nhân viên kỹ thuật												
4	Công nhân												
Cộng:													

Phụ lục 7-TMDAPTCNC

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Nguồn vốn											
		Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
		Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*				
1	**Công tác phí** - Trong nước - Ngoài nước												
2	**Quản lý phí** - Quản lý hành chính thực hiện dự án												
a	**Sửa chữa, bảo trì thiết bị**												
b	**Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:** - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở												
3	**Chi khác:** - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ,												

	- Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...												
4	**Sửa chữa, bảo trì thiết bị**												
5	**Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu**												
6	**Chi khác**												
	- Hội thảo (*định mức chi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015)*												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc												
	Dịch tài liệu (*định mức chi theo quy định hiện hành)*												
	Khác												
	Cộng:												

Phụ lục 8-TMDAPTCNC

KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Số TT	Nội dung công việc	Tháng																								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																									
2	Hoàn thiện công nghệ																									
3	Chế tạo, mua thiết bị																									
4	Lắp đặt thiết bị																									
5	Đào tạo công nhân																									
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																									
7	Thử nghiệm mẫu																									
8	Hiệu chỉnh công nghệ																									
9	Đánh giá nghiệm thu																									

I. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng *có thể tiêu thụ trong năm:*			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

Biểu B1.3-TMDAUDCNC
xx/2021/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030[1]

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

1	**Tên dự án ứng dụng công nghệ cao:**		
2	**Loại dự án ứng dụng công nghệ cao:**	**3**	**Cơ quan chủ quản quản lý dự án**
- Thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030. - Mã số:		Bộ KH&CN ☐ Bộ, ngành ☐ Tỉnh, thành phố ☐	
4	**Thời gian thực hiện:** ……. tháng		
	Từ tháng /20... đến tháng /20...)		
5	**Tổng kinh phí thực hiện:** …… **triệu đồng, trong đó:**		

Nguồn	*Kinh phí (Triệu đồng)*
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Từ nguồn tự có của tổ chức	
- Từ nguồn khác	

6 Chủ nhiệm dự án ứng dụng công nghệ cao

Họ và tên: ……..
Ngày, tháng, năm sinh: ……. Nam/ Nữ: ……
Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: …….
Chức danh khoa học: …….. Chức vụ: ……..
Tên tổ chức đang công tác: ……
Điện thoại của tổ chức: ……. Nhà riêng: …….. Mobile: ……..
Fax: …… Email: ……..
Địa chỉ tổ chức: ……..
Địa chỉ nhà riêng: ……...

7 Thư ký dự án ứng dụng công nghệ cao

Họ và tên: ……..
Ngày, tháng, năm sinh: ……. Nam/ Nữ: ……
Học hàm, học vị: ……..……

	Chức danh khoa học: …….. Chức vụ: …….. Tên tổ chức đang công tác: …… Điện thoại của tổ chức:……. Nhà riêng: …….. Mobile: ……..... Fax: …… Email: …… Địa chỉ tổ chức: …… Địa chỉ nhà riêng: ……..
8	**Tổ chức chủ trì thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao**
	Tên tổ chức chủ trì dự án: Điện thoại: …… Fax: ……. Email: …….. Website: …….. Địa chỉ: ……..…… Họ và tên thủ trưởng tổ chức: …… Số tài khoản: ……..… Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng: ……
9	**Tổ chức chủ quản quản lý dự án ứng dụng công nghệ cao**
	Tên tổ chức chủ quản quản lý dự án: ……..…… Điện thoại: …… Fax: …… Email: ……..…….. Địa chỉ: ……..……...….… Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ……..……..
10	**Tổ chức tham gia chính**
	10.1. Tổ chức tham gia chính 1 Tên tổ chức: …….. Điện thoại: …… Fax: …… Email: …… Website: …… Địa chỉ:…… ……...…… Họ và tên thủ trưởng tổ chức: …… Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án: ..... ***10.2. Tổ chức phối hợp khác***

	Tên tổ chức.....…….....……
	Điện thoại: …… Fax: ……
	Email: …….
	Website: …….
	Địa chỉ: ……
	Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ……

11 Cán bộ thực hiện chính dự án ứng dụng công nghệ cao

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài công nghệ cao. Thành viên, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

Số TT	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi[2])
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

12 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của dự án ứng dụng công nghệ cao

Ngoài nước *(Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của dự án phát triển công nghệ cao; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó)*

……

……

……

Trong nước *(Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của dự án, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến dự án mà các cán bộ tham gia dự án đã thực hiện. Nếu có các dự án cùng bản chất đã và đang*

được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến dự án này; Nếu phát hiện có dự án đang tiến hành mà dự án này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên dự án, Tên Chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì dự án đó)

……

……

……

13	**Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án ứng dụng công nghệ cao**

13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án ứng dụng công nghệ cao:

- Công nghệ được sử dụng trong dự án ứng dụng công nghệ cao phải là công nghệ thế hệ mới và thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Dây chuyền công nghệ của dự án ứng dụng công nghệ cao phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển tự động theo chương trình. Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm.

……

……

……

13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án ứng dụng công nghệ cao. *(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; Thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra từ dự án ứng dụng công nghệ cao phải đủ lớn; Khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).*

……

……

……

13.3. Tác động của kết quả dự án ứng dụng công nghệ cao đến kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng *(Tác động của sản phẩm dự án thúc đẩy phát triển KT-XH của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực: khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).*

……

……

……

13.4. Năng lực thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao:

(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án:

- Có năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro;

- Phải cam kết đầu tư bằng nguồn vốn tự có của tổ chức chủ trì cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam. Đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp phải thành lập và sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp).

……

……

……

13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án ứng dụng công nghệ cao *(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ...).*

……

……

……

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

14	**Mục tiêu**

14.1. Mục tiêu sản phẩm đặt ra *(Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);*

(i) Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

(ii) Có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam;

(iii) Có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

(iv) Mục tiêu phải rõ ràng, được định lượng và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực. Thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra từ đề tài, dự án phải đủ lớn.

(v) Khuyến khích tạo ra công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao có mức độ sáng tạo cao trên cơ sở làm chủ công nghệ nguồn, có tiềm năng thương mại hóa và tiêu thụ lớn trên thị trường, thuộc một số lĩnh vực công nghệ có ý nghĩa then chốt, hoặc công nghệ, sản phẩm chủ lực của các ngành, lĩnh vực và địa phương

……

……

……

14.2. Mục tiêu triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp *(Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)*

Có hoạt động triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp và đầu tư sản xuất sản phẩm trên cơ sở ứng dụng các kết quả nghiên cứu hoặc chuyển giao công nghệ cao.

……

……

……

15	**Nội dung:**

15.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án ứng dụng công nghệ cao

- Dây chuyền công nghệ của dự án ứng dụng công nghệ cao phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển tự động theo chương trình. Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm;

- Phải thuộc một trong các trường hợp sau: sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; sản xuất thử nghiệm sản phẩm, sản xuất sản phẩm ở quy mô công nghiệp; làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam.

……

……

……

15.2. Phân tích những vấn đề mà dự án ứng dụng công nghệ cao cần giải quyết về công nghệ *(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô);*

……

……

……

15.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao.

Nội dung 1:

……

……

……

Nội dung 2:

……

……

……

15.4. Các hoạt động phục vụ nội dung của dự án ứng dụng công nghệ cao:

- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp);

- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)

- Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)

- Hội thảo/tọa đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)

- Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài

- Triển khai thực nghiệm

- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, huấn luyện

- Chuyển giao công nghệ, mua sáng chế.

……..

16	**Phương án triển khai**

16.1. Phương án tổ chức triển khai dự án ứng dụng công nghệ cao:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

- Cần làm rõ năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công dự án;

- Cần phải cam kết đầu tư bằng nguồn vốn tự có của tổ chức chủ trì cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam;

- Đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp phải thành lập và sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án ứng dụng công nghệ cao; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án phát triển công nghệ cao; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm *(kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)*

……

……

……

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án ứng dụng công nghệ cao:

- Địa điểm thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao *(nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m^2), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....);*

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho hoạt động triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp và đầu tư sản xuất sản phẩm trên cơ sở ứng dụng các kết quả nghiên cứu hoặc chuyển giao công nghệ cao *(làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án; ....);*

- Nguyên vật liệu *(khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);*

Khuyến khích, ưu tiên dự án ứng dụng công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước.

- Nhân lực tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển của dự án có trình độ chuyên môn từ cao đẳng trở lên trên tổng số lao động của dự án phải đạt ít nhất 5%.

Số lao động có trình độ cao đẳng theo quy định tại điểm này không vượt quá 30% tổng số lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu và phát triển.

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục):

(i) Hệ thống quản lý chất lượng của dự án ứng dụng công nghệ cao phải đạt một trong số các tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001, HACCP, CMM, GMP hoặc chứng chỉ, chứng nhận có giá trị tương đương (tùy theo đặc thù dự án ứng dụng công nghệ cao áp dụng tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế).

(ii) Tuân thủ và áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành. Khuyến khích dự án áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, về tiết kiệm năng lượng như: ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương; ISO 50001 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

……

……

……

16.2. Phương án tài chính *(Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án) trên cơ sở:*

- Chi phí hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của dự án phải đạt ít nhất 2% của phần giá trị gia tăng tạo ra của dự án tại Việt Nam.

Giá trị gia tăng tạo ra của dự án tại Việt Nam theo quy định tại điểm này được tính bằng tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào là nguyên liệu sản xuất nhập khẩu, mua nội địa.

Ghi chú:

Chi cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thường xuyên hằng năm bao gồm: tiền lương và các khoản có tính chất giống lương (thưởng, phụ cấp, khoán chi phí đi lại, công tác phí) cho nhân lực và nhân lực phục vụ nghiên cứu; chi thù lao cho chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học có liên quan đến nội dung nghiên cứu; chi thuê cơ sở phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; các khoản chi thường xuyên khác (chi mua dụng cụ, vật tư, nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, năng lượng, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu).

Những nội dung chi sau đây không được tính cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thường xuyên hằng năm của dự án: chi phí kiểm tra chất lượng sản phẩm hoặc kiểm tra định kỳ nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng; chi phí thu thập dữ liệu định kỳ không liên quan đến nghiên cứu; chi phí điều tra về hiệu quả hoặc nghiên cứu về quản lý; chi phí nghiên cứu về tiếp thị và quảng cáo bán hàng.

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án ứng dụng công nghệ cao, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết cho hoạt động triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp và đầu tư sản xuất sản phẩm trên cơ sở ứng dụng các kết quả nghiên cứu hoặc chuyển giao công nghệ cao.

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án *(kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án,...);*

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước *(các nội dung chi bằng nguồn vốn này).*

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án *(theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có);* thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)

……

……

……

16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án *(Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);*

- Dự báo nhu cầu thị trường của sản phẩm phải đủ lớn *(dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt*

hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án phát triển công nghệ cao *(tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);*

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất *(so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới);* các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

……

……

……

17	**Sản phẩm của dự án ứng dụng công nghệ cao**

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i)Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii)Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

- Dự án ứng dụng công nghệ cao phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i) Công nghệ được sử dụng trong dự án ứng dụng công nghệ cao phải là công nghệ thế hệ mới và thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

(ii) Thuộc một trong các trường hợp sau: sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; sản xuất thử nghiệm sản phẩm, sản xuất sản phẩm ở quy mô công nghiệp; làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam.

- Có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam;

- Có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

……

……

18	**Phương án phát triển của dự án ứng dụng công nghệ cao sau khi kết thúc**

18.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ: (i) Phương án sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; sản xuất thử nghiệm sản phẩm, sản xuất sản phẩm ở quy mô công nghiệp; làm chủ, thích

nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam; (ii)Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii)Liên doanh, liên kết; (iv)Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ.

……

……

……

18.2. Quy mô sản xuất *(Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,..)*

……

……

……

18.3. Tổng số vốn của dự án ứng dụng công nghệ cao

……

……

……

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án ứng dụng công nghệ cao = Vốn cố định của sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + vốn lưu động.

*** Vốn cố định của sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

*** Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

*** Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai
Dự án ứng dụng công nghệ cao

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó						
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động			
			Thiết bị, máy móc hiện có và mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	***Ngân sách SNKH:*** - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
2	***Các nguồn vốn khác*** 2.1. Vốn tự có của cơ sở: - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba: 2.2. Khác (vốn huy động,...) - Năm thứ nhất: - Năm thứ hai: - Năm thứ ba:								
Cộng									

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm

(Trong thời gian thực hiện Dự án ứng dụng công nghệ cao)

Số TT	Nội dung	Tổng số chi phí *(1.000 đ)*	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
A	**Chi phí trực tiếp**					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
B	**Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định**					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác *(trả lãi vay, các loại phí,...)*					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

Ghi chú:

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định: tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.*

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

Bảng 3. Tổng doanh thu

(Cho thời gian thực hiện Dự án ứng dụng công nghệ cao)

TT	**Tên sản phẩm**	**Đơn vị**	**Số lượng**	**Giá bán dự kiến** *(1000 đ)*	**Thành tiền** *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				Cộng:	

Bảng 4. Tổng doanh thu

(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	**Tên sản phẩm**	**Đơn vị**	**Số lượng**	**Đơn giá** *(1000 đ)*	**Thành tiền** *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				Cộng:	

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án ứng dụng công nghệ cao

(cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	**Nội dung**	**Thành tiền** *(1.000đ)*
1	*2*	*3*
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án ứng dụng công nghệ cao	
2	Tổng chí phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng: (4) - (thuế + lãi vay+ các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích:

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

Thời gian thu hồi vốn T = $\frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng + Khấu hao}}$ = ---- = ….. **năm**

Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư = $\frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}}$ x 100 = ---- x 100 = .. %;

Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu = $\frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}}$ x 100 = ---- x 100 = .. %;

19 Hiệu quả kinh tế - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường... và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực)

.....

....

.....

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

……, Ngày ……. tháng ….. năm	*……, Ngày ……. tháng ….. năm*
Chủ nhiệm	**Tổ chức chủ trì**
dự án ứng dụng công nghệ cao	**dự án ứng dụng công nghệ cao**
(Họ tên và chữ ký)	*(Họ tên, chữ ký và đóng dấu - nếu có)*
……, Ngày ……. tháng ….. năm	*……, Ngày ……. tháng ….. năm*
Bộ Khoa học và Công nghệ	**Thủ trưởng cơ quan Chủ quản[3]**
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)	*(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)*

[1] Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4, áp dụng cho dự án nghiên cứu phát triển công nghệ và các dự án khác.

[2] Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

[3] Nếu Bộ KH&CN là cơ quan Chủ quản quản lý dự án thì không cần xác nhận nội dung này.

Phụ lục thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao (TMDAUDCNC)

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Thiết bị, máy móc mua mới, thuê													
2	Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo, thuê													
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ													
a	*Chi phí công lao động trực tiếp*													
b	*Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài*													
4	Chi phí đào tạo công nghệ													
5	Chi phí lao động													
6	Nguyên vật liệu, năng lượng													
7	Chi khác													
	Tổng cộng													

Phụ lục 1- TMDAUDCNC

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Nguyên, vật liệu chủ yếu																
2	Nguyên, vật liệu phụ																
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																
Cộng:																	

Phụ lục 2- TMDAUDCNC

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4	Điện :	*kW/h*															
	- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW																
5	Nước:	m^3															
6	Xăng dầu:	*lít*															
	- Cho thiết bị sản xuất ..... tấn																
	- Cho phương tiện vận tải ..... tấn																
Cộng:																	

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

Đơn vị: triệu đồng

A. Thiết bị hiện có *(tính giá trị còn lại)*

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Thiết bị công nghệ**				
1					
2					
3					
4					
II	**Thiết bị thử nghiệm, đo lường**				
1					
2					
3					
4					
				Cộng:	

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
						Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	**Tổng số**	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Mua thiết bị công nghệ												
	……												
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường												
	……..												
3	Mua bằng sáng chế, bản quyền												
4	Mua phần mềm máy tính												
5	Vận chuyển lắp đặt												
6	Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 6 để tính vốn lưu động)												
7	Bảo dưỡng, sửa chữa												
Cộng:													

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ **mua nguyên chiếc** thiết bị, máy móc

Phụ lục 4- TMDAUDCNC

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số ngày công quy đổi	Kinh phí (triệu đồng)		
				Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm dự án					
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học					
3	Thành viên					
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ					
Cộng:						

Phụ lục 4a. CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung công việc[1] Nội dung công việc	Chức danh nghiên cứu[2]	Tổng số người thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)[3]	Số ngày công quy đổi (Snc)[4]	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn					
							Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước		
							Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	7=5x6x**Lcs**[5]	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
A	**Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ** *(kể cả công nghệ nhập)*											
1	- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ											
	1.1. Công việc 1:	Thư ký khoa học	01	0,49	10	5,929	5,929					
	……..											
2	- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật											
	2.1. Công việc 1:											
	…….											
3	- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào .											
	3.1. Công việc 1:											
4	- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm											
	4.1. Công việc 1:											
B	Chi phí đào tạo công nghệ											
	- Cán bộ công nghệ											
	- Công nhân vận hành											
Cộng:												

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với nội dung nêu tại *mục 15 của thuyết minh*.
2.Thành viên chinh thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 11 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại *mục 15 của thuyết minh*.
3. Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4. **Hstcn** đươc xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
5. **Snc** theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục 4b. Thuê chuyên gia *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 15 của thuyết minh)*

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
I	**Chuyên gia trong nước**								
1									
…..									
…..									
II	**Chuyên gia nước ngoài**								
1									
…..									

Phụ lục 5- TMDAUDCNC

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có *(giá trị còn lại)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
3					
Cộng A:					

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	**Tổng số**	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Xây dựng nhà xưởng mới									
2	Chi phí sửa chữa cải tạo									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện									
4	Chi phí lắp đặt hệ thống nước									
5	Chi phí khác									
	Cộng B:									

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Chi phí tr. đ/ người/ tháng	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn							
						Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Chủ nhiệm Dự án												
2	Kỹ sư												
3	Nhân viên kỹ thuật												
4	Công nhân												
Cộng:													

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Nguồn vốn											
		Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
		Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*				
1	**Công tác phí** - Trong nước - Ngoài nước												
2	**Quản lý phí** - Quản lý hành chính thực hiện dự án												
a	**Sửa chữa, bảo trì thiết bị**												
b	**Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:** - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở												
3	**Chi khác:** - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ,												

	- Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...												
4	**Sửa chữa, bảo trì thiết bị**												
5	**Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu**												
6	**Chi khác**												
	- Hội thảo (*định mức chi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015)*												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc												
	Dịch tài liệu (*định mức chi theo quy định hiện hành)*												
	Khác												
	Cộng:												

KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Số TT	Nội dung công việc	Tháng																								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																									
2	Hoàn thiện công nghệ																									
3	Chế tạo, mua thiết bị																									
4	Lắp đặt thiết bị																									
5	Đào tạo công nhân																									
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																									
7	Thử nghiệm mẫu																									
8	Hiệu chỉnh công nghệ																									
9	Đánh giá nghiệm thu																									

I. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng *có thể tiêu thụ trong năm:*			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

Biểu B1.4-TMDASXCNC
xx/2021/TT-BKHCN

THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO, CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030[1]

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO, CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CAO

1	**Tên dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao:**		
2	**Loại dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao:**	**3**	**Cơ quan chủ quản quản lý dự án**
- Thuộc Chương trình quốc gia phát triển công nghệ cao đến năm 2030. - Mã số:		Bộ KH&CN ☐ Bộ, ngành ☐ Tỉnh, thành phố ☐	
4	**Thời gian thực hiện:** ……. tháng		
	Từ tháng /20... đến tháng /20...)		
5	**Tổng kinh phí thực hiện:** …… **triệu đồng, trong đó:**		

Nguồn	*Kinh phí (Triệu đồng)*
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Từ nguồn tự có của tổ chức	
- Từ nguồn khác	

6 Chủ nhiệm dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao

Họ và tên: ……..……..

Ngày, tháng, năm sinh: ……. Nam/ Nữ: ……

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ……

Chức danh khoa học: …….. Chức vụ: ……

Tên tổ chức đang công tác: ……

Điện thoại của tổ chức:……. Nhà riêng: …….. Mobile: ……..

Fax: …… Email: …….

Địa chỉ tổ chức:

……

	Địa chỉ nhà riêng: …….....
7	**Thư ký dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao** Họ và tên: ……..... Ngày, tháng, năm sinh: ……. Nam/ Nữ: ……..... Học hàm, học vị: ……. Chức danh khoa học: …….. Chức vụ: ……..... Tên tổ chức đang công tác: …….. Điện thoại của tổ chức: …… Nhà riêng: …….. Mobile: ……..... Fax: …… Email: ……. Địa chỉ tổ chức: …… Địa chỉ nhà riêng: …….....
8	**Tổ chức chủ trì thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao** Tên tổ chức chủ trì dự án: Điện thoại: …… Fax: …….. Email: …….. Website: …….. Địa chỉ: ……..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức: …….. Số tài khoản: ……..... Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng: ……...
9	**Tổ chức chủ quản quản lý dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao** Tên tổ chức chủ quản quản lý dự án: …….. Điện thoại: …… Fax: ……. Email: …….. Địa chỉ: ……..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ……..

10	**Tổ chức tham gia chính**
	10.1. Tổ chức tham gia chính 1 Tên tổ chức: ……..... Điện thoại: …… Fax: ……..... Email: …….. Website: ……..... Địa chỉ: ……..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức: …… Người chịu trách nhiệm chính: ..... ***10.2. Tổ chức phối hợp khác*** Tên tổ chức.....…….....……. Điện thoại: …… Fax: ……..…… Email: …….. Website: …….. Địa chỉ: …… Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ……..……

11 Cán bộ thực hiện chính dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài công nghệ cao. Thành viên, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)

Số TT	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi[2])
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				

9				
10				

12	**Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao**

Ngoài nước *(Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó)*

…….

…….

…….

Trong nước *(Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của dự án, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến dự án mà các cán bộ tham gia dự án đã thực hiện. Nếu có các dự án cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến dự án này; Nếu phát hiện có dự án đang tiến hành mà dự án này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên dự án, Tên Chủ nhiệm dự án và cơ quan chủ trì dự án đó)*

…….

…….

…….

13	**Luận cứ về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao**

13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao:

- Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i). Sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

(ii). Sản phẩm được tạo ra từ dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao là sản phẩm công nghệ cao có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và có thể thay thế sản phẩm công nghệ cao nhập khẩu.

- Dây chuyền công nghệ của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển tự động hoặc bán tự động theo chương trình số hóa. Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các

công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm.

…….

…….

13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao. *(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; Thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra từ dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải đủ lớn; Khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).*

…….

…….

…….

13.3. Tác động của kết quả dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao đến kinh tế-xã hội, an ninh, quốc phòng *(Tác động của sản phẩm dự án thúc đẩy phát triển KT-XH của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực: khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).*

…….

…….

…….

13.4. Năng lực thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao:

(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án:

- Có năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro;

- Phải cam kết đầu tư bằng nguồn vốn tự có của tổ chức chủ trì cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam. Đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp phải thành lập và sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp).

…….

…….

…….

13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án phát triển công nghệ cao *(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ...).*

…….

…….

…….

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO, CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CAO

14	**Mục tiêu**

14.1. Mục tiêu sản phẩm đặt ra *(Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);*

(i) Thuộc Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển do Thủ tướng Chính phủ ban hành;

(ii) Có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam;

(iii) Có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

(iv) Khuyến khích tạo ra công nghệ cao, sản phẩm công nghệ cao có mức độ sáng tạo cao trên cơ sở làm chủ công nghệ nguồn, có tiềm năng thương mại hóa và tiêu thụ lớn trên thị trường, thuộc một số lĩnh vực công nghệ có ý nghĩa then chốt, hoặc công nghệ, sản phẩm chủ lực của các ngành, lĩnh vực và địa phương

……

……

……

14.2. Mục tiêu triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp *(Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)*

Có hoạt động sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp, đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao.

……

……

……

15	**Nội dung:**

15.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao

- Dây chuyền công nghệ của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải đạt trình độ tiên tiến và được điều khiển tự động hoặc bán tự động theo chương trình số hóa. Các thiết bị chính trong dây chuyền công nghệ được cập nhật các công nghệ mới trong lĩnh vực hoạt động của dự án cách thời điểm đầu tư không quá 05 năm

- Phải thuộc một trong những trường hợp sau: là công nghệ được nghiên cứu ứng dụng để tạo ra sản phẩm có tính cạnh tranh cao; được nghiên cứu để thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; được nghiên cứu để sáng tạo ra công nghệ cao mới.

……

……

……

15.2. Phân tích những vấn đề mà dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao cần giải quyết về công nghệ *(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô);*

……

……

15.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

Nội dung 1:

……

……

……

Nội dung 2:

……

……

……

15.4. Các hoạt động phục vụ nội dung của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao:

- Khảo sát/điều tra thực tế trong nước (quy mô, địa bàn, mục đích/yêu cầu, nội dung, phương pháp);
- Khảo sát nước ngoài (quy mô, mục đích/yêu cầu, đối tác, nội dung)
- Sưu tầm/dịch tài liệu phục vụ nghiên cứu (các tài liệu chính)
- Hội thảo/tọa đàm khoa học (số lượng, chủ đề, mục đích, yêu cầu)
- Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài
- Triển khai thực nghiệm
- Tổ chức đào tạo, hướng dẫn, huấn luyện
- Chuyển giao công nghệ, mua sáng chế.

……..

16	Phương án triển khai

16.1. Phương án tổ chức triển khai dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

- Cần làm rõ năng lực hoặc huy động nguồn lực từ bên ngoài để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác cho việc thực hiện thành công dự án;

- Cần phải cam kết đầu tư bằng nguồn vốn tự có của tổ chức chủ trì cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam;

- Đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp phải thành lập và sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.

- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm *(kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)*

……

……

……

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao:

- Địa điểm thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao *(nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m^2), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....);*

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho hoạt động sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp, đầu tư sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao *(làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án; ....);*

- Nguyên vật liệu *(khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);*

- Khuyến khích, ưu tiên dự án ứng dụng công nghệ cao có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước.

- Nhân lực tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của dự án thuộc một trong các trường hợp sau:

- Nhân lực có chuyên môn phù hợp tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của dự án trên tổng số lao động của dự án phải đạt ít nhất 5%.

Số lao động có trình độ cao đẳng theo quy định tại điểm này không vượt quá 30% tổng số lao động trực tiếp tham gia hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ, triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm.

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục):

(i). Hệ thống quản lý chất lượng của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải đạt một trong số các tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001, HACCP, CMM, GMP hoặc chứng chỉ, chứng nhận có giá trị tương đương.

(ii). Tuân thủ và áp dụng các biện pháp thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất và quản lý chất lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam; trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam thì áp dụng tiêu chuẩn của tổ chức quốc tế chuyên ngành. Khuyến khích dự án áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về môi trường, về tiết kiệm năng lượng như: ISO 14000 hoặc tiêu chuẩn tương đương; ISO 50001 hoặc tiêu chuẩn tương đương.

……

……

……

16.2. Phương án tài chính *(Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án) trên cơ sở:*

- Chi phí hoạt động nghiên cứu và phát triển phải đạt ít nhất 2% của phần giá trị gia tăng tạo ra của dự án tại Việt Nam.

Giá trị gia tăng tạo ra của dự án tại Việt Nam theo quy định tại điểm này được tính bằng tổng doanh thu thuần trừ đi giá trị đầu vào là nguyên liệu sản xuất nhập khẩu, mua nội địa

Ghi chú:

Chi cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thường xuyên hằng năm bao gồm: tiền lương và các khoản có tính chất giống lương (thưởng, phụ cấp, khoán chi phí đi lại, công tác phí) cho nhân lực và nhân lực phục vụ nghiên cứu; chi thù lao cho chuyên gia nhận xét, phản biện, đánh giá kết quả nghiên cứu; chi hội thảo, hội nghị khoa học có liên quan đến nội dung nghiên cứu; chi thuê cơ sở phục vụ cho nghiên cứu, thí nghiệm, thử nghiệm; chi phí bảo dưỡng, bảo trì, sửa chữa cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển; các khoản chi thường xuyên khác (chi mua dụng cụ, vật tư, nguyên liệu, vật liệu, hóa chất, năng lượng, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vật dụng bảo hộ lao động, vật rẻ tiền mau hỏng phục vụ cho nghiên cứu).

Những nội dung chi sau đây không được tính cho hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ thường xuyên hằng năm của dự án: chi phí kiểm tra chất lượng sản

phẩm hoặc kiểm tra định kỳ nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng; chi phí thu thập dữ liệu định kỳ không liên quan đến nghiên cứu; chi phí điều tra về hiệu quả hoặc nghiên cứu về quản lý; chi phí nghiên cứu về tiếp thị và quảng cáo bán hàng.

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết cho hoạt động triển khai thực nghiệm, sản xuất thử nghiệm, sản xuất sản phẩm với quy mô công nghiệp và đầu tư sản xuất sản phẩm trên cơ sở ứng dụng các kết quả nghiên cứu hoặc chuyển giao công nghệ cao.

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án *(kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2-3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án,...);*

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước *(các nội dung chi bằng nguồn vốn này)*.

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án *(theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có);* thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)

……

……

……

16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án *(Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);*

- Dự báo nhu cầu thị trường của sản phẩm phải đủ lớn *(dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);*

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao *(tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);*

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất *(so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới);* các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

……

……

……

17	**Sản phẩm của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao**

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i)Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii)Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

- Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao phải đáp ứng các điều kiện sau:

(i). Sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển được ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

(ii). Sản phẩm được tạo ra từ dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao là sản phẩm công nghệ cao có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường và có thể thay thế sản phẩm công nghệ cao nhập khẩu.

- Có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ để đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam;

- Có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới; được kiểm định tại cơ sở đo kiểm có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế; tuân thủ tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật về môi trường.

……

……

……

18	**Phương án phát triển của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao sau khi kết thúc**

18.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ: (i) Phương án sử dụng kết quả nghiên cứu về công nghệ cao để đổi mới công nghệ, đổi mới và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm; sản xuất thử nghiệm sản phẩm, sản xuất sản phẩm ở quy mô công nghiệp; làm chủ, thích nghi công nghệ cao nhập từ nước ngoài vào điều kiện thực tế Việt Nam; (ii)Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii)Liên doanh, liên kết; (iv)Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ.

……

……

……

18.2. Quy mô sản xuất *(Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...)*

……

……

……

18.3. Tổng số vốn của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao công nghệ cao

……

……

……

III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO, CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CAO

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao = Vốn cố định của sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + vốn lưu động.

*** Vốn cố định của sản xuất gồm:** (i)Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii)Thiết bị, máy móc mua mới; (iii)Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv)Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

*** Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

*** Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai
Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó						
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động			
			Thiết bị, máy móc hiện có và mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*
1	***Ngân sách SNKH:***								
	- Năm thứ nhất:								
	- Năm thứ hai:								
	- Năm thứ ba:								
2	***Các nguồn vốn khác***								
	2.1. Vốn tự có của cơ sở:								
	- Năm thứ nhất:								
	- Năm thứ hai:								
	- Năm thứ ba:								
	2.2. Khác (vốn huy động,...)								
	- Năm thứ nhất:								
	- Năm thứ hai:								
	- Năm thứ ba:								
Cộng									

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm

(Trong thời gian thực hiện Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao)

Số TT	Nội dung	Tổng số chi phí *(1.000 đ)*	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
A	**Chi phí trực tiếp**					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
B	**Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định**					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7
12	Khác *(trả lãi vay, các loại phí,...)*					Phụ lục 7
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

Ghi chú:

- *Khấu hao thiết bị và tài sản cố định: tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.*

- *Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

Bảng 3. Tổng doanh thu

(Cho thời gian thực hiện Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao)

TT	**Tên sản phẩm**	**Đơn vị**	**Số lượng**	**Giá bán dự kiến** *(1000 đ)*	**Thành tiền** *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				Cộng:	

Bảng 4. Tổng doanh thu

(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	**Tên sản phẩm**	**Đơn vị**	**Số lượng**	**Đơn giá** *(1000 đ)*	**Thành tiền** *(1.000 đ)*
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
				Cộng:	

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao *(cho 1 năm đạt 100% công suất)*

TT	Nội dung	Thành tiền *(1.000đ)*
1	*2*	*3*
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao	
2	Tổng chí phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng: (4) - (thuế + lãi vay+ các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích:

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

$$\textbf{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng + Khấu hao}} = \text{----} = \ldots\ldots \textbf{ năm}$$

$$\textbf{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}} \times 100 = \text{----} \times 100 = .. \%;$$

$$\textbf{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \text{----} \times 100 = .. \%;$$

19 Hiệu quả kinh tế - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường... và phải có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực)

.....

.....

....

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

.....

……, Ngày ……. tháng ….. năm
Chủ nhiệm
dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao
(Họ tên và chữ ký)

……, Ngày ……. tháng ….. năm
Tổ chức chủ trì
dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu - nếu có)

……, Ngày ……. tháng ….. năm
Bộ Khoa học và Công nghệ
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

……, Ngày ……. tháng ….. năm
Thủ trưởng cơ quan Chủ quản[3]
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

---

[1] Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4, áp dụng cho dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

[2] Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

[3] Nếu Bộ KH&CN là cơ quan Chủ quản quản lý dự án thì không cần xác nhận nội dung này.

Phụ lục thuyết minh dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao (TMDASXCNC)

DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO, CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CAO

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng kinh phí	Nguồn vốn											
			Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
			Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
1	Thiết bị, máy móc mua mới, thuê													
2	Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo, thuê													
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ													
a	*Chi phí công lao động trực tiếp*													
b	*Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài*													
4	Chi phí đào tạo công nghệ													
5	Chi phí lao động													
6	Nguyên vật liệu, năng lượng													
7	Chi khác													
	Tổng cộng													

Phụ lục 1-TMDASXCNC

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
1	Nguyên, vật liệu chủ yếu																
2	Nguyên, vật liệu phụ																
3	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng																
Cộng:																	

Phụ lục 2-TMDASXCNC

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn											
						Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
						Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*
4	Điện :	*kW/h*															
	- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc.....kW																
5	Nước:	m^3															
6	Xăng dầu:	*lít*															
	- Cho thiết bị sản xuất ..... tấn																
	- Cho phương tiện vận tải ..... tấn																
Cộng:																	

Phụ lục 3a-TMDASXCNC

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

Đơn vị: triệu đồng

A. Thiết bị hiện có *(tính giá trị còn lại)*

Số TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Thiết bị công nghệ**				
1					
2					
3					
4					
II	**Thiết bị thử nghiệm, đo lường**				
1					
2					
3					
4					
				Cộng:	

Phụ lục 3b-TMDASXCNC

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn							
						Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	**Tổng số**	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Mua thiết bị công nghệ												
	……												
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường												
	……..												
3	Mua bằng sáng chế, bản quyền												
4	Mua phần mềm máy tính												
5	Vận chuyển lắp đặt												
6	Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 6 để tính vốn lưu động)												
7	Bảo dưỡng, sửa chữa												
Cộng:													

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ **mua nguyên chiếc** thiết bị, máy móc

Phụ lục 4-TMDASXCNC

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Chức danh	Tổng số người	Tổng số ngày công quy đổi	Kinh phí (triệu đồng)		
				Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	Chủ nhiệm dự án					
2	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học					
3	Thành viên					
4	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ					
Cộng:						

Phụ lục 4a. CHI TIẾT CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

Số TT	Nội dung công việc[1] Nội dung công việc	Chức danh nghiên cứu[2]	Tổng số người thực hiện	Hệ số tiền công theo ngày (Hstcn)[3]	Số ngày công quy đổi (Snc)[4]	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn					
							Ngân sách nhà nước			Ngoài ngân sách nhà nước		
							Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	7=5x6x**Lcs**[5]	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*
A	**Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ** *(kể cả công nghệ nhập)*											
1	- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ											
	1.1. Công việc 1:	Thư ký khoa học	01	0,49	10	5,929	5,929					
	……..											
2	- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật											
	2.1. Công việc 1:											
	…….											
3	- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào .											
	3.1. Công việc 1:											
4	- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm											
	4.1. Công việc 1:											
B	Chi phí đào tạo công nghệ											
	- Cán bộ công nghệ											
	- Công nhân vận hành											
Cộng:												

1. Dự toán theo 7 nội dung hướng dẫn tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và phù hợp với nội dung nêu tại *mục 15 của thuyết minh*.
2.Thành viên chinh thực hiện phải là các cán bộ có tên tại mục 11 và phù hợp với nội dung thực hiện được phân công nêu tại *mục 15 của thuyết minh*.
3. Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
4. **Hstcn** được xác định và tính theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
5. **Snc** theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
6. Lcs Lương cơ sở do Nhà nước quy định; dự toán tiền công lao đối với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 của Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

Phụ lục 4b. Thuê chuyên gia *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 15 của thuyết minh)*

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Họ và tên, học hàm, học vị	Quốc tịch	Thuộc tổ chức	Nội dung thực hiện	Thời gian thực hiện quy đổi (tháng)	Mức lương tháng theo hợp đồng	Kinh phí		
							Tổng	Ngân sách nhà nước	Ngoài ngân sách nhà nước
1	2	3	4	5	6	7	8=6x7	9	10
I	**Chuyên gia trong nước**								
1									
…..									
II	**Chuyên gia nước ngoài**								
1									
…..									

Phụ lục 5-TMDASXCNC

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

A. Nhà xưởng đã có *(giá trị còn lại)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1					
2					
3					
Cộng A:					

B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn							
			Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
			Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	**Tổng số**	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*
1	Xây dựng nhà xưởng mới									
2	Chi phí sửa chữa cải tạo									
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện									
4	Chi phí lắp đặt hệ thống nước									
5	Chi phí khác									
	Cộng B:									

Phụ lục 6-TMDASXCNC

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chức danh	Số người	Số tháng	Chi phí tr. đ/ người/ tháng	Tổng kinh phí (Tc)	Nguồn vốn							
						Ngân sách nhà nước				Ngoài ngân sách nhà nước			
						Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba	Tổng số	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
1	Chủ nhiệm Dự án												
2	Kỹ sư												
3	Nhân viên kỹ thuật												
4	Công nhân												
Cộng:													

Phụ lục 7-TMDASXCNC

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Nguồn vốn											
		Ngân sách nhà nước								Ngoài ngân sách nhà nước			
		Tổng		Năm thứ nhất		Năm thứ hai		Năm thứ ba		Tổng	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
		Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*	Kinh phí	*Trong đó, khoán chi theo quy định*				
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*				
1	**Công tác phí** - Trong nước - Ngoài nước												
2	**Quản lý phí** - Quản lý hành chính thực hiện dự án												
a	**Sửa chữa, bảo trì thiết bị**												
b	**Chi phí kiểm tra, đánh giá nghiệm thu:** - Chi phí kiểm tra trung gian - Chi phí nghiệm thu cấp cơ sở												
3	**Chi khác:** - Hội thảo, hội nghị, - Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ,												

	- Thông tin tuyên truyền, tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...												
4	**Sửa chữa, bảo trì thiết bị**												
5	**Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu**												
6	**Chi khác**												
	- Hội thảo (*định mức chi theo quy định tại Khoản 5 Điều 7 thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015)*												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc												
	Dịch tài liệu (*định mức chi theo quy định hiện hành)*												
	Khác												
	Cộng:												

Phụ lục 8-TMDASXCNC

KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Số TT	Nội dung công việc	Tháng																								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																									
2	Hoàn thiện công nghệ																									
3	Chế tạo, mua thiết bị																									
4	Lắp đặt thiết bị																									
5	Đào tạo công nhân																									
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																									
7	Thử nghiệm mẫu																									
8	Hiệu chỉnh công nghệ																									
9	Đánh giá nghiệm thu																									

I. Nhu cầu thị trường

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng *có thể tiêu thụ trong năm:*			Chú thích
			20..	20..	20..	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

II. Phương án sản phẩm

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			20..	20..	20..		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*

III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*

Biểu B2.1-PĐG-TMĐTCNC
.../2021/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ... tháng ... năm 20 ...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên thành viên Hội đồng:

1. Tên đề tài công nghệ cao:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: Tên tổ chức: Họ và tên cá nhân:	

Phần đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung chỉ tiêu	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Tính khả thi của đề tài công nghệ cao	1. Sự phù hợp về mục tiêu, nội dung chương trình	1.1. Mục tiêu, nội dung của đề tài công nghệ cao góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung Chương trình	2	
		1.2. Kết quả đề tài công nghệ cao góp phần đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam	2	
	2. Phương thức thực hiện	2.1. Chứng minh sự cần thiết phải thực hiện đề tài công nghệ cao *(có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực)*	1	
		2.2. Luận cứ cách tiếp cận, phương pháp, kỹ thuật sử dụng nghiên cứu *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	3	
	3. Kế hoạch triển khai	3.1. Nội dung, các bước công việc cần thực hiện	2	
		3.2. Kế hoạch/phương án của tổ chức chủ trì, phối hợp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất	2	

	4. Phương án tài chính	4.1. Khả năng nguồn lực để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác	2	
		4.2. Khả năng huy động để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác	4	
		4.3. Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước	2	
	5. Phương án hợp tác nghiên cứu	5.1. Phương án hợp tác với các tổ chức R&D, trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu và phát triển	2	
		5.2. Phương án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài	2	
2. Tính khả thi về công nghệ	6. Mức độ tiên tiến của công nghệ	6.1. Tạo ra quy trình mới *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ)*	8	
		6.2. Cải tiến quy trình *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ)*	4	
		6.3. Sửa đổi quy trình hiện có *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ)*	4	
	7. Mức độ sản phẩm	7.1. Tạo ra sản phẩm mới *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	8	
		7.2. Cải tiến sản phẩm *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	4	
		7.3. Sửa đổi sản phẩm *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	4	
	8. Nâng cao năng lực quản lý/ nghiên cứu	8.1. Nâng cao năng lực của tổ chức	2	
		8.2. Nâng cao năng lực và trình độ cán bộ khoa học và công nghệ	2	
3. Tính khả thi về thương mại	9. Tính khả thi về thị trường	9.1. Khả năng ứng dụng kết quả *(có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực)*	8	
		9.2. Khả năng cạnh tranh của quy trình/sản phẩm	10	
		9.3. Khả năng thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra phải đủ lớn	10	
4. Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp	10. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	10.1. Kinh nghiệm quản lý sản xuất, đổi mới công nghệ	3	
		10.2. Nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng	4	
	11. Năng lực đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	11.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì	3	
		11.2. Nguồn nhân lực của tổ chức phối hợp	2	

Tổng cộng	**100**	

Đánh giá về nhân lực thực hiện đề tài công nghệ cao
☐ Nhân lực thực hiện đề tài công nghệ cao do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.
☐ Nhân lực thực hiện đề tài công nghệ cao do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không hợp lý**.

Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của đề tài công nghệ cao
☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của đề tài công nghệ cao.
☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của đề tài công nghệ cao.

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)
☐ 1. Đề nghị thực hiện*:*
1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐
☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.
☐ 3. Đề nghị không thực hiện.
(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm nội dung chỉ tiêu đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:
……..……
……..……

Ngày ..... tháng ..... năm 20…
(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ... tháng ... năm 20 ...

NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO

Chuyên gia/ ủy viên phản biện	
Ủy viên Hội đồng	

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:

……

2. Tên đề tài công nghệ cao:

……

……

3. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì đề tài công nghệ cao

Tên tổ chức:

……

Họ và tên cá nhân:

……

4. Các ý kiến nhận xét

4.1. Về xác định Mục tiêu nghiên cứu (căn cứ Mục 12 của TMĐTCNC):

……

4.2. Về mô tả, phân tích, đánh giá mức độ thành công và hạn chế của các công trình nghiên cứu liên quan (căn cứ Mục 14.1 của TMĐT):

……

4.3. Sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận, thực tiễn và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài công nghệ cao (căn cứ Mục 14.2 của TMĐTCNC):

……

4.4. Về cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng (căn cứ Mục 18 của TMĐTCNC):

……

4.5. Về tính hệ thống, logic, sự hợp lý của các nội dung nghiên cứu (căn cứ Mục 16 của TMĐTCNC):

……

4.6. Về phương án - kế hoạch tổ chức thực hiện (căn cứ Mục 17, 19, 20 TMĐTCNC)

……

4.7. Sự phù hợp về tổng kinh phí đề xuất, tính hợp lý trong việc giải trình dự toán kinh phí đề tài công nghệ cao (căn cứ mục 26 và phụ lục dự toán kinh phí):

……

4.8. Về khả năng đạt được các kết quả dự kiến của đề tài (căn cứ Mục 22 của TMĐT):

……

4.9. Tính khả thi của việc ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu (căn cứ Mục 23 của TMĐTCNC):

……

4.10. Tính hợp lý trong lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu cụ thể (căn cứ Mục 19, Mục 20 và Mục 21 của TMĐT):

……

4.11. Về các vấn đề khác có liên quan:

……

4.12. Nhận xét về nhân lực thực hiện *(chỉ dùng cho 02 ủy viên phản biện, ủy viên phản biện nhận xét theo mẫu tại Bảng 1 trang sau)*

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về Thuyết minh đề tài công nghệ cao

5.1. Ưu điểm:

……

……

5.2. Hạn chế:

……

……

5.3. Các kiến nghị:

……

……

Ngày.....tháng.....năm 20...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

BẢNG NHU CẦU NHÂN LỰC

Nội dung công việc	**Nhu cầu nhân lực theo đề xuất của tổ chức đăng ký chủ trì**											**Ý kiến của ủy viên phản biện**	
	Chủ nhiệm đề tài	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học		Thành viên		Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ		Chuyên gia trong nước		Chuyên gia nước ngoài		Hợp lý	Không hợp lý
	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi		
Nội dung 1: ……..													
Nội dung 2: ……..													
……													
Nội dung n: ……..													
Tổng													

Ngày.....tháng.....năm 20...
ỦY VIÊN PHẢN BIỆN
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu B2.2-PĐG-TMDAPTCNC
...../2021/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên thành viên Hội đồng:

1. Tên dự án phát triển công nghệ cao:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: Tên tổ chức: Họ và tên cá nhân:	

Phần đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung chỉ tiêu	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Tính khả thi của dự án phát triển công nghệ cao	1. Sự phù hợp về mục tiêu, nội dung chương trình	1.1. Mục tiêu, nội dung của dự án phát triển công nghệ cao góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung Chương trình đáp ứng quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 3 và Điều 7 của Thông tư	2	
		1.2. Kết quả dự án phát triển công nghệ cao góp phần đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam và đáp ứng quy định tại Khoản1, 2 Điều 7 của Thông tư	2	
	2. Phương thức thực hiện	2.1. Chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án phát triển công nghệ cao *(có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực)*	1	
		2.2. Luận cứ cách tiếp cận, phương pháp, kỹ thuật sử dụng nghiên cứu *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*.	3	
	3. Kế hoạch triển khai	3.1. Nội dung, các bước công việc cần thực hiện	2	
		3.2. Kế hoạch/phương án của tổ chức chủ trì, phối hợp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất	2	

	4. Phương án tài chính	4.1. Khả năng nguồn lực để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác.	2	
		4.2. Khả năng huy động để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác.	4	
		4.3. Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	2	
	5. Phương án hợp tác nghiên cứu	5.1. Phương án hợp tác với các tổ chức R&D, trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu và phát triển	2	
		5.2. Phương án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài	2	
2. Tính khả thi về công nghệ	6. Mức độ tiên tiến của công nghệ	6.1. Tạo ra quy trình mới *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ)*	*8*	
		6.2. Cải tiến quy trình *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ)*	*4*	
		6.3. Sửa đổi quy trình hiện có *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ)*	*4*	
	7. Mức độ sản phẩm	7.1. Tạo ra sản phẩm mới *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	*8*	
		7.2. Cải tiến sản phẩm *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	*4*	
		7.3. Sửa đổi sản phẩm *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	*4*	
	8. Nâng cao năng lực quản lý/ nghiên cứu	8.1. Nâng cao năng lực của tổ chức	2	
		8.2. Nâng cao năng lực và trình độ cán bộ khoa học và công nghệ	2	
3. Tính khả thi về thương mại	9. Tính khả thi về thị trường	9.1. Khả năng ứng dụng và phương án khai thác kết quả *(có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực)*	4	
		9.2. Khả năng cạnh tranh của quy trình/sản phẩm	6	
		9.3. Khả năng thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra phải đủ lớn.	6	
	10. Tính khả thi về kinh tế	10.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp do áp dụng kết quả dự án phát triển công nghệ cao.	4	
		10.2. Khả năng thu hồi vốn đầu tư của doanh nghiệp	4	
4. Năng lực của tổ	11. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	11.1. Kinh nghiệm quản lý sản xuất, đổi mới công nghệ đáp ứng quy định tại Khoản 4 Điều 7 của Thông tư.	3	
		11.2. Nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng	6	

chức, cá nhân chủ trì, phối hợp	12. Năng lực đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	12.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì	Đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 7 của Thông tư	5	
		12.2. Nguồn nhân lực của tổ chức phối hợp		2	
Tổng cộng					

Đánh giá về nhân lực thực hiện dự án phát triển công nghệ cao

☐ Nhân lực thực hiện dự án phát triển công nghệ cao do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.

☐ Nhân lực thực hiện dự án phát triển công nghệ cao do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không hợp lý**.

Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của dự án phát triển công nghệ cao

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của dự án phát triển công nghệ cao.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của dự án phát triển công nghệ cao

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)

☐ 1. Đề nghị thực hiện*:*

1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Đề nghị không thực hiện.

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm nội dung chỉ tiêu đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

Ngày ….. tháng ….. năm 20…

(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm 20...

NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

Chuyên gia/ uỷ viên phản biện	
Uỷ viên Hội đồng	

1. Họ và tên thành viên Hội đồng:.....

2. Tên dự án phát triển công nghệ cao:

.....

3. Tên tổ chức và, nhân đăng ký chủ trì dự án phát triển công nghệ cao

Tên tổ chức:.....

Họ và tên cá nhân: .....

4. Các ý kiến nhận xét

4.1. Phân tích, đánh giá mức độ thành công và hạn chế của các công trình nghiên cứu liên quan (căn cứ Mục 12 của TMDAPTCNC):

.....

.....

4.2. Sự cần thiết, tính khả thi, lợi ích, ý nghĩa lý luận và thực tiễn việc triển khai thực hiện (căn cứ Mục 13 của TMDAPTCNC):

.....

.....

4.3. Về xác định Mục tiêu nghiên cứu (căn cứ Mục 14 của TMDAPTCNC):

.....

.....

4.4. Về cách tiếp cận nghiên cứu, triển khai dự án phát triển công nghệ cao:

.....

.....

4.5. Về tính hệ thống, logic, sự hợp lý của các nội dung nghiên cứu (căn cứ Mục 15 của TMDAPTCNC):

.....

.....

4.6. Về phương án triển khai

- Kế hoạch tổ chức thực hiện (căn cứ Mục 16.1 của TMDAPTCNC):

.....

.....

- Phương án tài chính (căn cứ Mục 16.2 của TMDAPTCNC):

.....

.....

- Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án phát triển công nghệ cao (căn cứ Mục 16.3 của TMDAPTCNC)

.....

.....

4.7. Về khả năng đạt được các kết quả dự kiến của dự án phát triển công nghệ cao (căn cứ Mục 17 của TMDAPTCNC):

.....

.....

4.8. Tính khả thi của việc chuyển giao kết quả nghiên cứu; phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc (căn cứ Mục 18.1 và 18.2):

.....

.....

4.9. Tính hợp lý trong lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu cụ thể (căn cứ Mục 10, Mục 11 của TMDAPTCNC và Mục 15.4):

.....

.....

4.10. Sự phù hợp về tổng kinh phí đề xuất, tính hợp lý trong việc giải trình dự toán kinh phí dự án (căn cứ Mục 16.2 của TMDAPTCNC; phần III và các phụ lục của TMDAPTCNC):

.....

.....

4.11. Về các vấn đề khác có liên quan:

.....

.....

4.12. Nhận xét về nhân lực thực hiện *(chỉ dùng cho 02 ủy viên phản biện, ủy viên phản biện nhận xét theo mẫu tại Bảng 1 trang sau):*

.....

.....

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về Thuyết minh dự án phát triển công nghệ cao

5.1. Ưu điểm:

.....

5.2. Hạn chế:

.....

5.3. Các kiến nghị:

.....

....., ngày..... tháng.....năm 20...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

BẢNG NHU CẦU NHÂN LỰC

Nội dung công việc	**Nhu cầu nhân lực theo đề xuất của tổ chức đăng ký chủ trì**											**Ý kiến của ủy viên phản biện**	
	Chủ nhiệm dự án	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học		Thành viên		Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ		Chuyên gia trong nước		Chuyên gia nước ngoài		Hợp lý	Không hợp lý
	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi		
Nội dung 1: ……..													
Nội dung 2: ……..													
……													
Nội dung n: ……..													
Tổng													

....., ngày.....tháng.....năm 20...

ỦY VIÊN PHẢN BIỆN
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu B2.3-PĐG-TMDAPTCNC
...../2021/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên thành viên Hội đồng:

1. Tên dự án ứng dụng công nghệ cao:	
2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì: Tên tổ chức: Họ và tên cá nhân:	

Phần đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung chỉ tiêu	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Tính khả thi của dự án phát triển công nghệ cao	1. Sự phù hợp về mục tiêu, nội dung chương trình	1.1. Mục tiêu, nội dung của dự án ứng dụng công nghệ cao góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung Chương trình đáp ứng quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 3 và Điều 8 của Thông tư	2	
		1.2. Kết quả dự án ứng dụng công nghệ cao góp phần đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam và đáp ứng quy định tại Khoản 1, 2 Điều 8 của Thông tư	2	
	2. Phương thức thực hiện	2.1. Chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao *(có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực)*	1	
		2.2. Luận cứ cách tiếp cận, phương pháp, kỹ thuật sử dụng nghiên cứu *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*.	3	
	3. Kế hoạch triển khai	3.1. Nội dung, các bước công việc cần thực hiện	2	
		3.2. Kế hoạch/phương án của tổ chức chủ trì, phối hợp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất	2	
		4.1. Cam kết đầu tư bằng nguồn vốn tự có của tổ chức chủ trì cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam; Đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp phải thành	2	

	4. Phương án tài chính	lập và sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.		
		4.2. Khả năng nguồn lực để bảo đảm tài chính và đáp ứng quy định tại Khoản 4 Điều 8 của Thông tư.	2	
		4.3. Khả năng huy động để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác.	2	
		4.3. Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	2	
	5. Phương án hợp tác nghiên cứu	5.1. Phương án hợp tác với các tổ chức R&D, trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu và phát triển	2	
		5.2. Phương án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài	2	
2. Tính khả thi về công nghệ	6. Mức độ tiên tiến của công nghệ	6.1. Tạo ra quy trình, dây chuyền công nghệ mới *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ) đáp ứng quy định tại* Khoản 5 Điều 8 của Thông tư	*8*	
		6.2. Cải tiến quy trình, dây chuyền công nghệ *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ)* đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 8 của Thông tư	*4*	
		6.3. Sửa đổi quy trình hiện có, dây chuyền công nghệ hiện có *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ*) đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 8 của Thông tư	*4*	
	7. Mức độ sản phẩm	7.1. Tạo ra sản phẩm mới *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	*8*	
		7.2. Cải tiến sản phẩm *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	*4*	
		7.3. Sửa đổi sản phẩm *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	*4*	
	8. Nâng cao năng lực quản lý/ nghiên cứu	8.1. Nâng cao năng lực của tổ chức	2	
		8.2. Nâng cao năng lực và trình độ cán bộ khoa học và công nghệ	2	
3. Tính khả thi về thương mại	9. Tính khả thi về thị trường	9.1. Khả năng ứng dụng và phương án khai thác kết quả *(có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực)*	4	
		9.2. Khả năng cạnh tranh của quy trình/sản phẩm	6	
		9.3. Khả năng thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra phải đủ lớn.	6	
	10. Tính khả thi về kinh tế	10.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp do áp dụng kết quả dự án ứng dụng công nghệ cao.	4	
		10.2. Khả năng thu hồi vốn đầu tư của doanh nghiệp	4	

4. Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp	11. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	11.1. Kinh nghiệm quản lý sản xuất, đổi mới công nghệ.		3	
		11.2. Nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng		6	
	12. Năng lực đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	12.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì	Đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 8 của Thông tư	5	
		12.2. Nguồn nhân lực của tổ chức phối hợp		2	
Tổng cộng					

Đánh giá về nhân lực thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao

☐ Nhân lực thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.

☐ Nhân lực thực hiện dự án ứng dụng công nghệ cao do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không hợp lý**.

Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của dự án ứng dụng công nghệ cao

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của dự án ứng dụng công nghệ cao.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của dự án ứng dụng công nghệ cao

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)

☐ 1. Đề nghị thực hiện*:*

1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Đề nghị không thực hiện.

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm nội dung chỉ tiêu đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

.....

.....

Ngày ..... tháng ..... năm 20…

(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

Chuyên gia/ uỷ viên phản biện	
Uỷ viên Hội đồng	

1. Họ và tên thành viên Hội đồng: .....

2. Tên dự án ứng dụng công nghệ cao:

.....

3. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì dự án ứng dụng công nghệ cao

Tên tổ chức: .....

Họ và tên cá nhân: .....

4. Các ý kiến nhận xét

4.1. Phân tích, đánh giá mức độ thành công và hạn chế của các công trình nghiên cứu liên quan (căn cứ Mục 12 của TMDAUDCNC):

.....

.....

4.2. Sự cần thiết, tính khả thi, lợi ích, ý nghĩa lý luận và thực tiễn việc triển khai thực hiện (căn cứ Mục 13 của TMDAUDCNC):

.....

.....

4.3. Về xác định Mục tiêu nghiên cứu (căn cứ Mục 14 của TMDAUDCNC):

.....

.....

4.4. Về cách tiếp cận nghiên cứu, triển khai dự án ứng dụng công nghệ cao:

.....

.....

4.5. Về tính hệ thống, logic, sự hợp lý của các nội dung nghiên cứu (căn cứ Mục 15 của TMDAUDCNC):

.....

.....

.....

4.6. Về phương án triển khai

- Kế hoạch tổ chức thực hiện (căn cứ Mục 16.1 của TMDAUDCNC):

.....

.....

- Phương án tài chính (căn cứ Mục 16.2 của TMDAUDCNC):

.....

.....

- Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án ứng dụng công nghệ cao (căn cứ Mục 16.3 của TMDAUDCNC)

.....

.....

4.7. Về khả năng đạt được các kết quả dự kiến của dự án ứng dụng công nghệ cao (căn cứ Mục 17 của TMDAUDCNC):

.....

.....

4.8. Tính khả thi của việc chuyển giao kết quả nghiên cứu; phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc (căn cứ Mục 18.1 và 18.2):

.....

.....

4.9. Tính hợp lý trong lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu cụ thể (căn cứ Mục 10, Mục 11 của TMDAUDCNC và Mục 15.4):

.....

.....

4.10. Sự phù hợp về tổng kinh phí đề xuất, tính hợp lý trong việc giải trình dự toán kinh phí dự án (căn cứ Mục 16.2 của TMDAUDCNC; phần III và các phụ lục của TMDAUDCNC):

.....

.....

4.11. Về các vấn đề khác có liên quan:

.....

.....

4.12. Nhận xét về nhân lực thực hiện *(chỉ dùng cho 02 ủy viên phản biện, ủy viên phản biện nhận xét theo mẫu tại Bảng 1 trang sau):*

.....

.....

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về Thuyết minh dự án ứng dụng công nghệ cao

5.1. Ưu điểm:

.....

5.2. Hạn chế:

.....

5.3. Các kiến nghị:

.....

....., ngày.....tháng.....năm 20...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

BẢNG NHU CẦU NHÂN LỰC

Nội dung công việc	**Nhu cầu nhân lực theo đề xuất của tổ chức đăng ký chủ trì**											**Ý kiến của ủy viên phản biện**	
	Chủ nhiệm dự án	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học		Thành viên		Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ		Chuyên gia trong nước		Chuyên gia nước ngoài		Hợp lý	Không hợp lý
	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi		
Nội dung 1: ……..													
Nội dung 2: ……..													
……													
Nội dung n: ……..													
Tổng													

....., ngày.....tháng.....năm 20...

ỦY VIÊN PHẢN BIỆN
(Họ, tên và chữ ký)

Biểu B2.4-PĐG-TMDASXCNC
...../2021/TT-BKHCN

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO, CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

Chuyên gia/Ủy viên phản biện	
Ủy viên hội đồng	

Họ và tên thành viên Hội đồng:

1. Tên dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao:

2. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

Phần đánh giá:

Tiêu chí đánh giá	Chỉ tiêu đánh giá	Nội dung chỉ tiêu	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1. Tính khả thi của dự án phát triển công nghệ cao	1. Sự phù hợp về mục tiêu, nội dung chương trình	1.1. Mục tiêu, nội dung của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao góp phần thực hiện mục tiêu, nội dung Chương trình đáp ứng quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 3 và Điều 9 của Thông tư.	2	
		1.2. Kết quả dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao góp phần đóng góp cho việc nâng cao trình độ và tiềm lực công nghệ cao của Việt Nam và đáp ứng quy định tại Khoản 1, 2 Điều 9 của Thông tư	2	
	2. Phương thức thực hiện	2.1. Chứng minh sự cần thiết phải thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao *(có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực)*	1	
		2.2. Luận cứ cách tiếp cận, phương pháp, kỹ thuật sử dụng nghiên cứu *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*.	3	
	3. Kế hoạch triển khai	3.1. Nội dung, các bước công việc cần thực hiện	2	
		3.2. Kế hoạch/phương án của tổ chức chủ trì, phối hợp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất	2	

	4. Phương án tài chính	4.1. Cam kết đầu tư bằng nguồn vốn tự có của tổ chức chủ trì cho hoạt động nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam; Đối với tổ chức chủ trì là doanh nghiệp phải thành lập và sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp.	2	
		4.2. Khả năng nguồn lực để bảo đảm tài chính và đáp ứng quy định tại Khoản 4 Điều 9 của Thông tư.	2	
		4.3. Khả năng huy động để bảo đảm tài chính, quản lý, công nghệ, sở hữu trí tuệ, pháp lý và những yếu tố quan trọng khác.	2	
		4.3. Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	2	
	5. Phương án hợp tác nghiên cứu	5.1. Phương án hợp tác với các tổ chức R&D, trường đại học và doanh nghiệp trong nghiên cứu và phát triển	2	
		5.2. Phương án hợp tác nghiên cứu với nước ngoài	2	
2. Tính khả thi về công nghệ	6. Mức độ tiên tiến của công nghệ	6.1. Tạo ra quy trình, dây chuyền công nghệ *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ) đáp ứng quy định tại* Khoản 5 Điều 9 của Thông tư	*8*	
		6.2. Cải tiến quy trình, dây chuyền công nghệ *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ)* đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Thông tư	*4*	
		6.3. Sửa đổi quy trình hiện có, dây chuyền công nghệ hiện có *(có tính mới, có trình độ sáng tạo và khả năng đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ*) đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Thông tư	*4*	
	7. Mức độ sản phẩm	7.1. Tạo ra sản phẩm mới *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	*8*	
		7.2. Cải tiến sản phẩm *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	*4*	
		7.3. Sửa đổi sản phẩm *(có chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đạt tiêu chuẩn tiên tiến trong khu vực và thế giới)*	*4*	
	8. Nâng cao năng lực quản lý/ nghiên cứu	8.1. Nâng cao năng lực của tổ chức	2	
		8.2. Nâng cao năng lực và trình độ cán bộ khoa học và công nghệ	2	
3. Tính khả thi về	9. Tính khả thi về thị trường	9.1. Khả năng ứng dụng và phương án khai thác kết quả *(có tác động quan trọng tới việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, đất nước, khu vực)*	4	

thương mại		9.2. Khả năng cạnh tranh của quy trình/sản phẩm		6	
		9.3. Khả năng thị trường và giá trị của công nghệ, sản phẩm được tạo ra phải đủ lớn.		6	
	10. Tính khả thi về kinh tế	10.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp do áp dụng kết quả dự án ứng dụng công nghệ cao.		4	
		10.2. Khả năng thu hồi vốn đầu tư của doanh nghiệp		4	
4. Năng lực của tổ chức, cá nhân chủ trì, phối hợp	11. Năng lực của tổ chức chủ trì, phối hợp	11.1. Kinh nghiệm quản lý sản xuất, đổi mới công nghệ.		3	
		11.2. Nguồn lực tài chính và cơ sở hạ tầng		6	
	12. Năng lực đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ	12.1. Nguồn nhân lực của tổ chức chủ trì	Đáp ứng quy định tại Khoản 3 Điều 9 của Thông tư	5	
		12.2. Nguồn nhân lực của tổ chức phối hợp		2	
Tổng cộng					

Đánh giá về nhân lực thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao

☐ Nhân lực thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **hợp lý**.

☐ Nhân lực thực hiện dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không hợp lý**.

Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao, cung ứng dịch vụ công nghệ cao.

Kiến nghị của chuyên gia: (đánh dấu X vào 1 trong 3 ô dưới đây)

☐ 1. Đề nghị thực hiện*:*

1.1 Khoán đến sản phẩm cuối cùng ☐ *1.2 Khoán từng phần* ☐

☐ 2. Đề nghị thực hiện với các điều chỉnh nêu dưới đây.

☐ 3. Đề nghị không thực hiện.

(Hồ sơ trúng tuyển là hồ sơ có tổng số điểm nội dung chỉ tiêu đánh giá lớn hơn 70 điểm)

Nhận xét, kiến nghị:

Ngày …. tháng …. năm 20…

(Chuyên gia đánh giá, ghi rõ họ tên)

HỘI ĐỒNG TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP NHIỆM VỤ KH&CN CẤP QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

NHẬN XÉT CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SẢN XUẤT SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ CAO VÀ CUNG ỨNG DỊCH VỤ CÔNG NGHỆ CAO THUỘC CHƯƠNG TRÌNH QUỐC GIA PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO ĐẾN NĂM 2030

Chuyên gia/ uỷ viên phản biện	
Uỷ viên Hội đồng	

1. Họ và tên thành viên Hội đồng: .....

2. Tên dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao:
.....

3. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao

Tên tổ chức: .....

Họ và tên cá nhân: .....

4. Các ý kiến nhận xét

4.1. Phân tích, đánh giá mức độ thành công và hạn chế của các công trình nghiên cứu liên quan (căn cứ Mục 12 của TMDASXCNC):

.....

.....

4.2. Sự cần thiết, tính khả thi, lợi ích, ý nghĩa lý luận và thực tiễn việc triển khai thực hiện (căn cứ Mục 13 của TMDASXCNC):

.....

.....

4.3. Về xác định Mục tiêu nghiên cứu (căn cứ Mục 14 của TMDASXCNC):

.....

.....

4.4. Về cách tiếp cận nghiên cứu, triển khai dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao:

.....

.....

4.5. Về tính hệ thống, logic, sự hợp lý của các nội dung nghiên cứu (căn cứ Mục 15 của TMDASXCNC):

.....

.....

4.6. Về phương án triển khai

- Kế hoạch tổ chức thực hiện (căn cứ Mục 16.1 của TMDASXCNC):

.....

.....

- Phương án tài chính (căn cứ Mục 16.2 của TMDASXCNC):

.....

.....

- Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao (căn cứ Mục 16.3 của TMDASXCNC)

.....

.....

4.7. Về khả năng đạt được các kết quả dự kiến của dự án ứng dụng công nghệ cao (căn cứ Mục 17 của TMDASXCNC):

.....

.....

4.8. Tính khả thi của việc chuyển giao kết quả nghiên cứu; phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc (căn cứ Mục 18.1 và 18.2):

.....

.....

4.9. Tính hợp lý trong lựa chọn tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện các nội dung nghiên cứu cụ thể (căn cứ Mục 10, Mục 11 của TMDASXCNC và Mục 15.4):

.....

.....

4.10. Sự phù hợp về tổng kinh phí đề xuất, tính hợp lý trong việc giải trình dự toán kinh phí dự án (căn cứ Mục 16.2 của TMDASXCNC; phần III và các phụ lục của TMDASXCNC:

.....

.....

4.11. Về các vấn đề khác có liên quan:

.....

.....

4.12. Nhận xét về nhân lực thực hiện *(chỉ dùng cho 02 ủy viên phản biện, ủy viên phản biện nhận xét theo mẫu tại Bảng 1 trang sau):*

.....

.....

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về Thuyết minh dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao và cung ứng dịch vụ công nghệ cao

5.1. Ưu điểm:

.....

5.2. Hạn chế:

.....

5.3. Các kiến nghị:

.....

....., ngày.....tháng.....năm 20...

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

BẢNG NHU CẦU NHÂN LỰC

Nội dung công việc	**Nhu cầu nhân lực theo đề xuất của tổ chức đăng ký chủ trì**											**Ý kiến của ủy viên phản biện**	
	Chủ nhiệm dự án	Thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học		Thành viên		Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ		Chuyên gia trong nước		Chuyên gia nước ngoài		Hợp lý	Không hợp lý
	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi	Tổng số người	Tổng ngày công quy đổi		
Nội dung 1: ……..													
Nội dung 2: ……..													
……													
Nội dung n: ……..													
Tổng													

....., ngày.....tháng.....năm 20...

ỦY VIÊN PHẢN BIỆN
(Họ, tên và chữ ký)